

Tiết 1: Hoạt động tập thể

Phần I: Sinh hoạt dưới cờ

Phần II: HĐTN:

BÀI 3: SƠ ĐỒ TƯ DUY (tiết 3)

A. Mục tiêu :

- HS đọc được thông tin ở sơ đồ tư duy và tự đánh giá được những điều em đã học từ sơ đồ tư duy.
- Rèn kĩ năng cách đánh giá và thông hiểu , giữ gìn những gì em đã làm được từ sơ đồ tư duy.
- HS có ý thức rèn luyện để hoàn thiện bản thân và hứng thú học tập .

B. Chuẩn bị:

- GV: Phiếu bài tập như trong SGK hoạt động 6.
- HS: SGK, bút, các bài thơ văn, ảnh, giấy màu, kéo, keo.

C. Các hoạt động dạy - học :

I. Phần khởi động (5P)

- Cho HS hát bài hát: Em yêu trường em
- Bài hát cho em biết gì?

- GTB bằng lời và ghi đầu bài lên bảng.

II. Phần phát triển bài (27P)

Hoạt động 1: Đọc thông tin từ sơ đồ tư duy

** Mục tiêu :* Em biết đọc thông tin từ sơ đồ tư duy

- Bài 1 : Y/c HS đọc

- Bài 1 yêu cầu làm gì?
- Cho HS đọc thầm
- GV theo dõi giúp HS.
- Gọi 3 HS đọc

GV nhấn mạnh sơ đồ tư duy về câu chuyện : Ba chú heo con

- **Bài 2 :** Gọi HS đọc
- Bài 2 YC làm gì?

- Nhóm 3 HS TL câu chuyện: ba chú heo con
- Đại diện HS kể chuyện

- Nhận xét

** GD HS Luôn yêu thương giúp đỡ bạn.*

- Bài 3

- Bài 3 YC làm gì?
- Cho HS tự lập sơ đồ tư duy vào phiếu học t.
- Theo dõi giúp HS
- Gọi HS trình bày.
- Nhận xét tuyên dương

Hoạt động 2: Em học được gì?

- HS
- Đến trường có nhiều niềm vui từ đó em ham thích học tập.
- HS lắng nghe, ghi đầu bài vào vở

- 1 HS đọc
- Quan sát và đọc thông tin về nội dung câu chuyện ba chú heo con
- HS đọc và QS cá nhân

- 1 HS đọc
- Kết nối các thông tin em đọc ở sơ đồ tư duy kết thành câu chuyện: ba chú heo con.
- HS nhận xét

- Chọn đọc được
- HS đọc mục tiêu của HĐ 4 trong SGK trang 26.

+ Mục tiêu yêu cầu tự đánh giá những điều em đã học từ việc làm an-bum kỉ niệm, từ đó có ý thức rèn luyện để hoàn thiện bản thân.

- 2HS nối tiếp nhau đọc YC

* *Mục tiêu:* Tự đánh giá được những điều em đã học từ việc lập sơ đồ tư duy .

- Gọi HS đọc mục tiêu của HĐ 4 trong SGK trang 26

+ Mục tiêu yêu cầu các em phải làm gì?

- Gọi HS đọc yêu cầu của BT.

- Hỏi: bài tập yêu cầu các em phải làm gì?

GV phát hiệu cho HS thảo luận theo nhóm 2 trao đổi nhau làm bài vào phiếu trong 5 phút.

III. Phân kết thúc (3P)

- Y/c HS lập sơ đồ tư duy trong nhiều môn học

- Dẫn HS về nhà đọc lại bài và xem nội dung tiếp theo trong bài

- Nhận xét giờ học.

của BT.

- Bài tập yêu cầu chúng em phải làm đánh dấu X vào cột phù hợp với ý kiến của em.

- HS nhận phiếu và thảo luận theo nhóm 2 trao đổi nhau làm bài vào phiếu trong 5 phút.

- Lắng nghe.

Tiết 2: Toán

CHIA MỘT TỔNG CHO MỘT SỐ

I. Mục tiêu

- Biết chia một tổng chia cho một số.

- Bước đầu biết vận dụng tính chất chia một tổng cho một số trong thực hành tính.

Rèn kĩ năng làm tính nhân, chia thành thạo cho học sinh

- Yêu thích môn học, biết vận dụng những điều đã học vào thực tế cuộc sống.

II. Đồ dùng dạy học:

-Phấn màu

III. Các hoạt động dạy - học

A. Kiểm tra bài cũ

- 2 HS lên bảng làm :

268 x 235 ; 475 x 205

- Lớp theo dõi, nhận xét.

B. Bài mới

HĐ1. GV hướng dẫn HS nhận biết tính chất một tổng chia cho một số.

- GV ghi 2 BT lên bảng:

$(24 + 42) : 6$ và $24 : 6 + 42 : 6$

- YC HS tính giá trị hai biểu thức trên.

- Nhận xét.

- YC HS so sánh giá trị hai biểu thức.

- GV KL: $(24 + 42) : 6 = 24 : 6 + 42 : 6$

- Biểu thức: $(24 + 42) : 6$ có dạng ntn?

- Hãy nhận xét về dạng của biểu thức:

$24 : 6 + 42 : 6$

Cả lớp làm bảng con

HS nêu cách nhân

- HS đọc hai biểu thức.

- 1 HS làm bảng lớp. Lớp làm nháp:

$(24 + 42) : 6 = 66 : 6 = 11$

$24 : 6 + 42 : 6 = 4 + 7 = 11$

- HS so sánh: bằng nhau.

- HS đọc biểu thức.

- Một tổng chia cho một số.

- Tổng của hai thương. HS nêu

- 24 và 42 là gì trong biểu thức $(24 + 42) : 6$?

- Còn 6 là gì trong biểu thức $(24 + 42) : 6$?

- Khi chia một tổng cho một số, nếu các số hạng của tổng đều chia hết cho số chia thì ta có thể làm ntn?

KL: Khi chia một tổng cho một số, nếu các số hạng của tổng đều chia hết cho số chia thì ta có thể chia từng số hạng của tổng cho số chia, rồi cộng các kết quả tìm được với nhau.

HD2. Thực hành

Bài 1a) : Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.

- GV ghi BT lên bảng: $(15+35) : 5$

- YC HS nêu cách tính biểu thức trên bằng 2 cách.

- YC HS làm bài.

- Gọi HS chữa bài, so sánh kết quả

$$a. (15 + 35) : 5 = 50 : 5 = 10$$

$$15 : 5 + 35 : 5 = 3 + 7 = 10$$

$$(80 + 4) : 4 = 84 : 4 = 21$$

$$80 : 4 + 4 : 4 = 20 + 1 = 21$$

- MR: Biểu thức sau có thể tính được bằng hai cách không? Vì sao? $(12 + 18) : 5$

Bài 1b) GV ghi biểu thức: $15 : 3 + 27 : 3 = ?$

- YC HS suy nghĩ và tìm 2 cách tính giá trị của biểu thức trên.

- GV nhận xét, chốt KQ đúng.

- Theo em vì sao có thể viết:

$$15 : 3 + 27 : 3 = (15 + 27) : 3?$$

- YC HS làm tiếp phần còn lại.

- GV chấm, chữa bài.

Chốt: thực hiện theo 2 cách:

C1: Thứ tự thực hiện các phép tính trong BT.

C2: Vận dụng tính chất một tổng chia cho một số.

+ Nhấn mạnh cho HS: Khi chia một tổng cho một số nếu các SH đều chia hết cho số chia thì có thể tính giá trị của BT bằng 2 cách.

Bài 2: HS đọc đề bài

- GV viết bảng biểu thức : $(35 - 21) : 7$

từng thương trong biểu thức.

- Là các số hạng của tổng $(24 + 42)$.

- Là số chia.

- HS nêu.

- Vài HS nhắc lại.

- Tính giá trị của biểu thức bằng hai cách.

C1: Tính tổng rồi lấy tổng chia cho số chia.

C2. Lấy từng số hạng chia cho số chia rồi cộng các kết quả với nhau.

- HS làm cá nhân, đổi vở kiểm tra chéo.

- HS chữa bài. Nhận xét.

- Không. Vì các số hạng của tổng không chia hết cho số chia. HS tính kết quả biểu thức.

- HS đọc biểu thức.

- KKHS nêu 2 cách thực hiện.

- HS thực hành tính bằng hai cách.

- Nhận xét.

- Vì trong BT đó có 15 và 27 đều cùng chia hết cho 3, áp dụng t/c chia 1 tổng cho một số nên viết được như vậy.

- HS làm bài.

- Chữa bài, nhận xét.

$$b. 18 : 6 + 24 : 6 = 3 + 4 = 7$$

$$(18 + 24) : 6 = 42 : 6 = 7$$

$$60 : 3 + 9 : 3 = 20 + 3 = 23$$

$$(60 + 9) : 3 = 69 : 3 = 23$$

- HS đọc

+ HS đọc biểu thức.

- + Yêu cầu HS tính giá trị của biểu thức trên theo hai cách.
- + Yêu cầu cả lớp nhận xét bài làm của bạn.
- + Y/c 2 HS lên bảng nêu cách làm của mình.

+ 2 HS lên bảng làm, mỗi HS làm 1 cách.

+ HS cả lớp nhận xét bài của bạn.

a. C1: $(27 - 18) : 3 = 9 : 3 = 3$

C2: $(27 - 18) : 3 =$

$= 27 : 3 - 18 : 3$

$= 9 - 6 = 3$

b. $(64 - 32) : 8 = 32 : 8 = 4$

$64 : 8 - 32 : 8 = 8 - 4 = 4$

- HS nêu tính chất

+ GV giới thiệu tính chất một hiệu chia cho một số.

- GV chốt: Khi chia một hiệu cho một số, nếu số bị trừ và số trừ đều chia hết cho số chia thì ta có thể lấy số bị trừ và số trừ chia cho số chia, rồi lấy các kết quả trừ đi nhau.

3. Củng cố - dặn dò:

+ Gọi HS đọc lại tính chất một tổng (một hiệu) chia cho một số.

- Nhận xét tiết học. Dặn HS chuẩn bị bài sau.

Tiết 3: Tập đọc CHÚ ĐẤT NUNG

I- Mục tiêu:

-Biết đọc bài văn với giọng kể chậm rãi, bước đầu biết đọc nhấn giọng ở một số từ ngữ gợi tả, gợi tả và phân biệt lời người kể với lời của nhân vật (chàng kĩ sĩ, ông Hòn Rằm, chú bé Đất)

- Hiểu nội dung: Chú bé Đất cam đảm, muốn trở thành người khoẻ mạnh, làm được nhiều việc có ích đã dám nung mình trong lửa đỏ. Trả lời được các câu hỏi trong SGK

- Giáo dục KNS: Xác định giá trị (Nhận biết được sự can đảm cần thiết đối với con người như thế nào); Tự nhận thức bản thân (biết đánh giá đúng ưu, nhược điểm của bản thân); Thể hiện sự tự tin.

II. Đồ dùng dạy học

- Tranh minh hoạ bài đọc trong SGK

III. Các HĐ dạy - học :

A. Kiểm tra bài cũ

- 2 HS đọc bài: *Văn hay chữ tốt*

- Nêu nội dung chính của bài.

- GV nhận xét

B. Bài mới

a) Giới thiệu bài: GV dùng tranh minh hoạ.

b) Nội dung:

Hoạt động 1: Hướng dẫn luyện đọc

- GV cho 1 HS đọc bài 1 lượt.

- Bài văn chia làm mấy đoạn ?

- HS đọc, cả lớp theo dõi đọc thầm theo bạn.

3 đoạn :

Đoạn 1: 4 dòng đầu

Đoạn 2: 6 dòng tiếp.

- GV gọi 3 HS tiếp nối nhau đọc từng đoạn của bài. HDHS đọc nghỉ hơi đúng trong

câu : *Chắc còn một đồ chơi nữa là chú bé bằng đất/ em nặn lúc đi chăn trâu.; Chú bé Đất ngạc nhiên/ hỏi lại :*

GV kết hợp hướng dẫn HS sửa lỗi phát âm:

Son, đoảng, kị sĩ, rất bảnh, nắp tráp, khoan khoái

- Gọi HS nối tiếp nhau đọc bài lần 2. Kết hợp giải nghĩa khó : *đóng rầm, hòn rầm.*

- GV đọc diễn cảm toàn bài: với giọng hồn nhiên, bước đầu biết đọc nhân giọng ở một số từ ngữ gọi tả, gọi tả và phân biệt lời người kể với lời của nhân vật (chàng kị sĩ, ông Hòn Rầm, chú bé Đất)

Hoạt động 2: Hướng dẫn tìm hiểu bài

- Truyện có những nhân vật nào?
- Chú bé Đất, chàng kị sĩ, nàng công chúa có phải là con người không?

- Cu Chắt có những đồ chơi gì? Chúng khác nhau như thế nào?

Ý 1: Giới thiệu đồ chơi của cu Chắt.

+ Cu Chắt để đồ chơi của mình vào đâu?

+ Những đồ chơi của cu Chắt làm quen với nhau như thế nào?

Ý 2: Chú bé Đất và hai người bột làm quen với nhau.

+ Chú bé Đất đi đâu và gặp chuyện gì ?

+ Vì sao chú bé Đất quyết định trở thành Đất Nung ?

+ Chi tiết "nung trong lửa" tượng trưng

Đoạn 3: *Phần còn lại* (Chú bé Đất trở thành Đất Nung)

- HS đọc nối tiếp từng đoạn của bài
- 3 HS nối tiếp nhau đọc bài. Mỗi HS đọc một đoạn của bài.

- HS luyện đọc ngắt nghỉ , nhấn giọng.

- 3 HS đọc nối tiếp bài lần 2, mỗi HS đọc một đoạn của bài. Cả lớp đọc thầm theo dõi và nhận xét bạn đọc.

- Theo dõi GV đọc mẫu để nắm được giọng đọc bài văn.

- 1 HS đọc thành tiếng. Cả lớp đọc thầm, trao đổi và trả lời câu hỏi.

- Cu chắt, chú bé đất Nung

- là đồ chơi của cu Chắt....

- chàng kị sĩ, nàng công chúa là món quà tết của cu Chắt được tặng...

- 1 HS đọc thành tiếng. Cả lớp đọc thầm, trao đổi và trả lời câu hỏi.

-Chú cất đồ chơi vào nắp cái tráp hồng.

-Họ làm quen với nhau nhưng cu Đất đã làm bẩn quần áo đẹp của chàng kị sĩ và nàng công chúa nên cậu ta bị cu Chắt không cho họ chơi với nhau nữa.

- 1 HS đọc thành tiếng. Cả lớp đọc thầm, trao đổi và trả lời câu hỏi.

-Chú bé Đất nhớ quê, ra cánh đồng. Gặp trời đổ mưa, chú bị ngấm nước , rét run...

-Vì chú sợ bị ông Hòn Rầm chê là nhát hoặc vì chú muốn được xông pha làm nhiều việc có ích.

-Phải rèn luyện trong thử thách, con người mới trở thành cứng rắn, hữu ích.

-Vượt qua được thử thách , khó khăn, con người mới mạnh mẽ, cứng cỏi.

cho điều gì?

Ý 3: Chú bé Đất trở thành Đất Nung.

Nội dung chính của bài:

Hoạt động 3: Đọc diễn cảm

-Gọi 4 HS đọc truyện theo vai

-GV nêu giọng đọc của các nhân vật có trong truyện

- Gọi 4 đọc lại truyện theo vai

-GV treo bảng phụ đoạn văn cần luyện đọc

Ông Hòn Rằm cười / bảo:

-Sao chú mày nhát thế? Đất có thể nung trong lửa kia mà!

Chú bé Đất ngạc nhiên /hỏi lại:

-Nung áy ạ!

-Chứ sao? Đã là người thì phải dám xông pha làm được nhiều việc có ích.

Nghe thế chú bé Đất thấy không sợ nữa.

Chú vui vẻ bảo:

-Nào, nung thì nung.

Từ đấy, chú thành Đất Nung.

-Yêu cầu hs luyện đọc theo cặp tìm cách đọc

-GV nhận xét.

3. Cũng cố, dặn dò:

- Câu chuyện muốn nói với chúng ta điều gì?

GDHS sự dũng cảm, can đảm, luôn luôn học tập để trở thành những người công dân có ích.

- GV nhận xét tiết học.

- Dặn HS về nhà ôn bài và chuẩn bị bài: *Chú Đất Nung (tiếp theo)*

-Lửa thử vàng, gian nan thử sức, được tôi luyện trong gian nan, con người mới vững vàng, dũng cảm...

-*Chú bé Đất can đảm, muốn trở thành người khoẻ mạnh, làm được nhiều việc có ích đã dám nung mình trong lò lửa.*

-4 HS đọc. Cả lớp theo dõi để tìm giọng đọc cho phù hợp

+ Giọng người kể: *hồn nhiên, khoan thai.*

+ Giọng chàng kị sĩ: *kênh kiệu*

+ Giọng ông Hòn Rằm: *vui, ôn tồn*

+ Giọng chú bé Đất: chuyển từ ngạc nhiên sang mạnh dạn, táo bạo, đáng yêu.

-HS luyện đọc theo cặp tìm cách đọc

-Đại diện 2 cặp thi đọc diễn cảm

-Nhận xét nhóm bạn đọc, bổ sung

Tiết 4: Chính tả CHIẾC ÁO BÚP BÊ

I. Mục tiêu:

- Nghe viết đúng bài chính tả, trình bày đúng đoạn văn *Chiếc áo búp bê*.

- Làm đúng các bài tập chính tả phân biệt s/x (BT2a). Tìm đúng, nhiều tính từ có âm đầu s/x (BT3a).

- GDHS ý thức giữ vở sạch, viết chữ đẹp. Trân trọng những kỉ niệm tuổi thơ.

II. Đồ dùng :

- + Bài tập 2a viết sẵn trên bảng lớp.
- + Giấy khổ to và bút dạ làm bài tập 3a.

III. Các hoạt động dạy - học

A. Kiểm tra bài cũ :

- + Gọi 1 HS đọc, 3 HS viết bảng lớp. cả lớp viết nháp các từ :
lông lẻo, nóng nảy, lung linh, nôn nao, nóng nực, ...
- + GV nhận xét.

B. Bài mới :

1. Giới thiệu bài :

2. Hướng dẫn nghe - viết chính tả.

a) Tìm hiểu nội dung đoạn văn

- Yêu cầu hs đọc lại đoạn viết
- Bạn nhỏ đã khâu cho búp bê một chiếc áo đẹp như thế nào?

- Bạn nhỏ đối với búp bê như thế nào?

- GV nhận xét

Chốt: Bạn nhỏ rất yêu thương búp bê.

b) Hướng dẫn viết từ khó

- Yêu cầu hs viết từ khó dễ lẫn khi viết và luyện viết.

c) Viết chính tả

- Gv đọc chậm, rõ ràng cho hs viết.
- Đọc lại cho hs soát lỗi

d) Nhận xét: 7- 8 bài

3. Luyện tập

Bài 2a:

- Gọi hs đọc yêu cầu
- GV treo bảng phụ, yêu cầu hs 2 tổ lên thi tiếp sức. Mỗi hs chỉ điền một từ

Kết luận lời giải đúng

xinh xinh , trong xóm, xúm xít, màu xanh, ngôi sao, khẩu súng, sờ, xinh, sợ

- Gọi hs đọc lại đoạn văn

Bài 3a:

- Phát giấy và bút dạ cho các nhóm, yêu cầu hs tìm các tính từ bắt đầu bằng s hay x

- Gọi hs nhận xét, bổ sung

- Gọi hs đọc lại các từ vừa tìm được

Chốt: Các tính từ bắt đầu bằng chữ s hoặc x

- HS đọc đoạn viết
- HS nêu: Bạn nhỏ đã khâu cho búp bê một chiếc áo rất đẹp: cổ cao, tà loe, mép áo viền vải xanh, khuy bấm có hạt cườm.
- HS nêu: Bạn nhỏ rất yêu thương búp bê.

- Hs nêu: phong phanh, xa tanh, loe ra, dính dặc; luyện viết từ khó ra giấy nháp
- Hs viết vào vở

- HS đọc yêu cầu
- HS thi tiếp sức
- HS nhận xét, bổ sung

- 1 HS đọc lại đoạn văn

- HS hoạt động nhóm 6
- Nhóm làm xong trước lên dán phiếu lên bảng
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung
- VD: s: siêng năng, sung sướng, sáng khoái, sáng suốt, sáng ngời, sáng ý, sáng láng, sành sỏi, sát sao,...
- x: xanh , xa, xấu xí, xanh biếc, xa

3. Cũng cố dặn dò :

- + Nhận xét tiết học.
- + Nhắc HS chuẩn bị bài sau.

Buổi chiềuTiết 1: **Mĩ thuật** (GVC dạy)Tiết 2: **Đạo đức****BIẾT ƠN THẦY GIÁO, CÔ GIÁO (Tiết 1)****I. Mục tiêu:**

- Biết được công lao của thầy giáo, cô giáo.
 - Nêu được những việc cần làm thể hiện sự biết ơn đối với thầy giáo, cô giáo.
 - Lễ phép vâng lời thầy giáo, cô giáo.
- GDKNS: Kỹ năng lắng nghe lời dạy bảo của thầy cô. Kỹ năng thể hiện sự kính trọng, biết ơn với thầy cô.

II. Đồ dùng học tập:- Các băng chữ để sử dụng cho bài tập 3**III. Các hoạt động dạy học:****A. Bài cũ:** Hiểu thảo với ông bà, cha mẹ

-Em hiểu thế nào là hiếu thảo với ông bà cha mẹ ?

-Điều gì sẽ xảy ra nếu con cháu không hiếu thảo với ông bà, cha mẹ ?

-HS –GV nhận xét tuyên dương.

B. Bài mới:**Hoạt động 1: Xử lý tình huống**

Kỹ năng lắng nghe lời dạy bảo của thầy cô.

+ Cách tiến hành :

-GV nêu tình huống:

“ Cô Bình là cô giáo ...Các bạn ơi cô Bình bị ốm đây! Chiều nay ...

1. Em hãy đoán xem các bạn nhỏ trong tình huống trên sẽ làm gì khi nghe cô nói.

2. Nếu em là HS lớp đó em sẽ làm gì?

GV Kết luận :

Các thầy giáo, cô giáo đã dạy dỗ các em biết nhiều điều hay, điều tốt . Do đó các em phải kính trọng, biết ơn thầy giáo, cô giáo.

Hoạt động 2: Thế nào biết ơn thầy cô? (BT1)

Mục tiêu: -HS biết lựa chọn hình ảnh trong tranh thể hiện lòng kính trọng và biết ơn thầy giáo ,cô giáo .

Kỹ năng thể hiện sự kính trọng và biết ơn với thầy cô.

-Cách tiến hành : Thảo luận nhóm:

-HS trả lời câu hỏi của GV

- HS dự đoán các cách ứng xử có thể xảy ra - HS lựa chọn cách ứng xử và trình bày lí do lựa chọn .

-HS nêu

-HS theo dõi

-Thảo luận theo nhóm về cách ứng xử

GV theo dõi giúp đỡ HS

KT trình bày 1 phút:

- GV nhận xét và đưa ra phương án đúng của bài tập.

+ Các tranh 1, 2, 4 : Thể hiện thái độ kính trọng, biết ơn thầy giáo, cô giáo.

+ Tranh 3: Không chào cô giáo khi cô giáo không dạy lớp mình là biểu hiện sự không tôn trọng thầy giáo, cô giáo.

Hoạt động 3: Việc làm nào đúng (BT2 SGK)

Mục tiêu :-HS phân biệt được việc làm nào thể hiện lòng biết ơn thầy giáo, cô giáo, việc làm nào thể hiện không biết ơn.

KT Trình bày ý kiến cá nhân:

-Cách tiến hành :

-Yêu cầu HS lựa chọn những việc làm thể hiện lòng biết ơn thầy giáo, cô giáo.

GV Kết luận : Có nhiều cách thể hiện lòng biết ơn đối với thầy giáo, cô giáo.

-Các việc làm (a), (b), (d), (e), (g) là những việc làm thể hiện lòng biết ơn thầy giáo, cô giáo.

3. Hoạt động nối tiếp:

-Hàng ngày em đã làm gì để biết ơn với thầy cô? (Chăm chỉ học tập, vâng lời thầy cô,...)GDKNS: Thầy cô đã dạy chúng ta những điều hay, lẽ phải, chính vì vậy chúng ta phải biết ơn thầy cô, thì mới xứng đáng là người trò giỏi.

-1 – 2 HS đọc ghi nhớ trong SGK.

-GV giáo dục HS biết bày tỏ sự kính trọng, biết ơn các thầy giáo, cô giáo.

Dẫn HS về viết, vẽ, dựng tiểu phẩm về chủ đề bài học (Bài tập 4 SGK)

- Sưu tầm các bài hát, bài thơ, ca dao, tục ngữ, truyện . . . ca ngợi công lao của các thầy giáo, cô giáo chuẩn bị tiết 2. Nhận xét tiết học.

-HS lên chữa bài, các nhóm khác nhận xét bổ sung.

- HS lên chữa bài tập. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

+Các tranh1,2,4: Thể hiện thái độ kính trọng, biết ơn các thầy giáo, cô giáo.

+Tranh 3: Biểu hiện sự không tôn trọng thầy giáo, cô giáo.

- Từng nhóm HS thảo luận và ghi những việc nên làm vào các tờ giấy nhỏ.

- Từng nhóm lên dán băng chữ đã nhận, theo 2 cột “Biết ơn” hay “Không biết ơn” trên bảng và các tờ giấy nhỏ ghi các việc nên làm mà nhóm mình đã thảo luận. Các nhóm khác góp ý kiến, bổ sung.

Tiết 3: **Tiếng Anh** (GVC dạy)

Thứ 3 ngày 6 tháng 12 năm 2022

Buổi sáng

Tiết 1: **Thể dục** (GVC dạy)

Tiết 2: **Toán**

CHIA CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

I. Mục tiêu:

- Thực hiện phép chia một số có nhiều chữ số cho số có một chữ số (chia hết, chia có dư). - Rèn kỹ năng chia cho số có một chữ số cho HS.

- GD HS yêu thích môn học, vận dụng những điều đã học vào thực tế cuộc sống.

II- Đồ dùng :

- Phấn màu, thước.

III- Các hoạt động dạy - học**A. Kiểm tra bài cũ :**

- 2 HS lên bảng: Tính bằng 2 cách: a, $(235 + 250) : 5$ b, $189 : 9 + 279 : 9$
- Nhận xét.

B. Bài mới :

1. Giới thiệu bài : Ghi bảng - nêu mục đích yêu cầu tiết học.

2. Bài mới**HD1 : Hướng dẫn thực hiện phép chia**

a, Phép chia: $148491 : 7 = ?$

- GV viết phép chia lên bảng.
- Gọi HS đọc phép chia.
- Y/c HS đặt tính để thực hiện phép chia.
- Chúng ta phải thực hiện phép chia theo thứ tự nào ?
- Yêu cầu HS thực hiện phép chia.

- Vậy $148491 : 7 = ?$

- Phép chia $148491 : 7 = ?$ là phép chia hết hay phép chia có dư ?

- Khi thực hiện ở một lần chia ta cần thực hiện theo các thao tác nào?

- 1 HS đọc phép chia, cả lớp đọc thầm.
- HS đặt tính.
- Theo thứ tự từ trái sang phải.

- 1 HS lên bảng làm, cả lớp làm vở nháp.
- Nhận xét.

$$148491 : 7 = 21213$$

- Phép chia hết.

-KK HS nêu, vài HS khác nhắc lại:
Khi thực hiện ở một lần chia ta cần thực hiện theo 3 thao tác:

1- Chia

2- Nhân

3- Trừ (Hiệu phải nhỏ hơn số chia, nếu còn thì ta hạ và chia tiếp)

GV chốt kiến thức: phép chia hết.

b, - GV đưa phép chia: $130859 : 4$

- GV yêu cầu nêu lại cách chia

Vậy $130859 : 4 = ?$

- Phép chia này là phép chia hết hay phép chia có dư ? So sánh số dư và số chia?

GV lưu ý trong phép chia có dư : số dư nhỏ hơn số chia.

GV chốt kiến thức: phép chia có dư.

Hoạt động 2 : Luyện tập**Bài 1: (dòng 1 2)**

- Gọi HS nêu yêu cầu BT.
- Yêu cầu HS tự làm.

- HS nêu cách thử lại.

- HS làm thêm dòng 3

Chốt cách chia số có nhiều chữ số cho

- HS nêu yêu cầu BT

- HS làm dòng 1, 2.

4 HS chữa bài trên bảng.

- Nhận xét, chữa bài.

$$KQ : a . 92719 \quad b . 52911 \text{ dư } 2$$

$$76242 \quad 95181 \text{ dư } 3$$

-HS tự làm bài và nêu kết quả .

$$KQ \quad a . 81618 \quad b . 43121 \text{ dư } 2$$

số có một chữ số.

Bài 2 :

- Gọi HS đọc y/c của bài toán.
 - Yêu cầu HS tự tóm tắt và giải bài toán.
 - Cả lớp và GV nhận xét bài HS làm.
- Củng cố giải toán có lời văn.*
GD HS sử dụng năng lượng tiết kiệm, an toàn.

Bài 3: (Nếu còn thời gian)

Củng cố giải toán có lời văn với phép chia có dư.

3. Củng cố dặn dò :

- Nhắc lại các bước thực hiện phép chia.
- Nhận xét tiết học.
- Nhắc HS chuẩn bị bài sau: *Luyện tập*

KK HS thử lại phép tính.

- 1 HS đọc bài.
- HS nêu cách giải bài toán.
- HS trình bày bài vào vở. 1 HS làm bảng lớp.

Bài giải

Số lít xăng có trong mỗi bể là

$$128610 : 6 = 21435 \text{ (lít)}$$

Đáp số: 21435 lít

- HS tự làm bài

Thực hiện phép chia

$$187250 : 8 = 23406 \text{ dư } 2$$

Vậy ta có thể xếp vào: 23406 hộp và còn thừa 2 áo .

ĐS: 23406 hộp và còn thừa 2 cái áo .

Tiết 3: **Luyện từ và câu**
LUYỆN TẬP VỀ CÂU HỎI.

I, Mục tiêu:

- Đặt được câu hỏi cho bộ phận xác định trong câu(BT 1), nhận biết được một số từ nghi vấn và đặt câu hỏi cho các từ nghi vấn ấy(BT5, BT3, BT4).
- Rèn kĩ năng sử dụng đúng câu hỏi trong khi giao tiếp đối thoại.
- Giáo dục học thể hiện thái độ lịch sự trong giao tiếp.

Giảm tải bỏ bài 2

II- Đồ dùng dạy - học:

- Bảng phụ viết sẵn nội dung bài tập 3

III- Các hoạt động dạy học.

A. Kiểm tra bài cũ:

- Gọi hs lên bảng đặt câu hỏi.
- YC hs trả lời: + Câu hỏi dùng để làm gì? Cho ví dụ.
 + Nhận biết câu hỏi nhờ những dấu hiệu nào?
 - Khi nào dùng câu hỏi để tự hỏi mình?
- Nhận xét.
- Kiểm tra việc chuẩn bị bài của hs

B. Bài mới:

1. Giới thiệu bài:

2. Nội dung: *Hướng dẫn luyện tập*

Bài 1:

- GV yêu cầu 1 HS đọc yêu cầu của
- 1 HS đọc yêu cầu bài, lớp theo dõi đọc

bài tập.

- Yêu cầu hs tự làm bài.
- Gọi hs phát biểu ý kiến.
- Cả lớp và giáo viên nhận xét.

Chốt cách đặt câu hỏi cho bộ phận xác định trong câu

Bài 3: (BP)

- Gọi HS đọc yêu cầu của bài tập.
- YC hs tự làm bài
- Gọi hs nhận xét, chữa bài của bạn
- Nhận xét, kết luận lời giải đúng

Chốt : Các từ nghi vấn có trong các câu đó là: Có phải, phải không , à.

Bài 4:

- Gọi hs đọc yêu cầu
- YC HS đọc lại các từ nghi vấn ở BT 3
- YC hs tự làm bài
- Đặt câu có hình ảnh, sáng tạo
- Gọi hs nhận xét, chữa bài của bạn
- Nhận xét chung về cách đặt câu
- Gọi hs dưới lớp đặt câu

Chốt cách đặt câu hỏi với từ nghi vấn

Bài 5:

-Trong 5 câu đã cho có những câu nào là câu hỏi, có những câu không phải là câu hỏi nhưng vẫn có dấu chấm hỏi với mục đích làm HS bị nhầm lẫn. Nhiệm vụ của các em là phải tìm ra những câu nào không phải là câu hỏi và không được dùng dấu chấm hỏi. Để làm được bài tập này, các em phải nắm chắc thế nào là câu hỏi ?

thăm

- HS viết câu hỏi vào vở nháp
- HS lần lượt trả lời
 - a) Hăng hái nhất và khoẻ nhất là ai?
 - b) Trước giờ học, các em thường làm gì?
 - c) Bên cạnh như thế nào?
 - d) Bọn trẻ xóm em hay thả diều ở đâu?

- 1 hs đọc yêu cầu
- HS tìm và gạch chân dưới từ đó trong mỗi câu:
 - Nhận xét, chữa bài trên bảng phụ
 - a) Có phải chú Đất trở thành chú Đất Nung không ?
 - b) Chú Đất trở thành chú Đất Nung, phải không?
 - c) Chú Đất trở thành chú Đất Nung à?

- 1 HS đọc thành tiếng
- HS từ đặt câu hỏi với các từ nghi vấn ở BT3
- HS làm bài vào nháp
- Nhận xét chữa bài.
- HS nối tiếp đặt câu

VD:

- + Có phải bạn học lớp 4B không?
- + Bạn thích chơi bóng đá à?
- + Có phải hồi nhỏ chữ Cao Bá Quát xấu không?

- 1 HS đọc yêu cầu bài.
- Nhắc lại nội dung cần ghi nhớ về câu hỏi ở bài học trang 142.
- cả lớp đọc thầm lại 5 câu hỏi, tìm câu nào không phải là câu hỏi và không được dùng dấu chấm hỏi.
- Phát biểu ý kiến
- + Trong số 5 câu đó cho, có :
2 câu là câu hỏi
 - a) Bạn có thích chơi diều không ? (hỏi bạn diều chưa biết)
 - b) Ai dạy bạn làm đèn ông sao đây ?(hỏi

bạn điều chưa biết)

3 câu không phải là câu hỏi :

b) Tôi không biết bạn có thích chơi điều không ? (nêu ý kiến của người nói)

c) Hãy cho biết bạn thích trò chơi nào nhất. (nêu đề nghị)

e) Thử xem ai khéo tay hơn nào. (nêu đề nghị)

3. **Củng cố, dặn dò:**

- Câu hỏi dùng làm gì? Nêu đặc điểm của câu hỏi. Cách trình bày câu hỏi.
- Nhận xét tiết học
- Dặn hs về đặt 3 câu hỏi, 3 câu có dùng từ nghi vấn nhưng không phải là câu hỏi và đọc trước bài sau: *Dùng câu hỏi và mục đích khác*

Tiết 4: **Khoa học**

MỘT SỐ CÁCH LÀM SẠCH NƯỚC

(Áp dụng PP bàn tay nặn bột cả bài)

I. Mục tiêu:

- Nêu được 1 số cách làm sạch nước : lọc, khử trùng, đun sôi...
- +Biết đun sôi nước trước khi uống.
- + Biết phải diệt hết các vi khuẩn và loại bỏ các chất độc còn tồn tại trong nước.
- Rèn kĩ năng thảo luận nhóm kĩ năng trình bày trước lớp
- BVMT : Giáo dục các em BVMT nguồn nước..

II. Đồ dùng:

- Than hoạt tính, giấy thấm, chai, lọ
- Bút , giấy khổ lớn, bảng nhóm. phiếu học tập cho hoạt động

III- Các hoạt động dạy - học

A. Kiểm tra bài cũ:

- Những nguyên nhân nào làm cho nước bị ô nhiễm?
- Nêu tác hại của việc sử dụng nguồn nước bị ô nhiễm đối với sức khỏe con người.
- Kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh.

B. Bài mới:

1. *Giới thiệu bài:*

2. *Nội dung:*

Bước1: Tình huống xuất phát:

- Điều gì xảy ra đối với sức khỏe con người khi nguồn nước bị ô nhiễm?

Bước 2: Ý kiến ban đầu của học sinh:

GV yêu cầu HS trình bày những điều mình biết trước lớp

- GV tổ chức cho những em có cùng biểu tượng về cùng một nhóm

- 2HS thành trả lời (gây bệnh nhiều quá mức cho phép hoặc chứa các chất hòa tan có hại cho sức khỏe)

- Lớp nhận xét

- HS trình bày.

Bước 3: Đề xuất và tiến hành các thí nghiệm nghiên cứu:

GV tổ chức cho các nhóm thảo luận và thí

thực nghiệm

- Để chứng minh cho những ý kiến trên thì chúng ta cần phải làm gì?

- Phương án nào là tối ưu nhất?

Bước 4: Các nhóm đề xuất thí nghiệm để kiểm chứng (nước thấm qua than hoạt tính, qua cát, sỏi,...)

- HS tiến hành làm TN:

- Yêu cầu các nhóm nhận đồ dựng cần cho TN, tiến hành TN tại nhóm

Thực hành lọc nước.

- Tổ chức HS thực hành:

- Kết luận:

Nguyên tắc chung của lọc nước đơn giản là:

-Than củi có tác dụng hấp thụ các mùi lạ và màu trong nước.

- Cát, sỏi có tác dụng lọc những chất không hoà tan.

- Kết quả: Nước đục trở thành nước trong, nhưng không làm chết các vi khuẩn gây bệnh có trong nước. Vì vậy sau khi lọc, nước chưa dùng để uống ngay được.

GDMT: Nêu cách tiết kiệm nước sạch.

Bước 5: Kết luận và hợp thức hóa kiến thức:

- GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả.

GV: Nước thấm qua than hoạt tính, cát, sỏi tạo thành nước trong hơn nhưng chưa là nước sạch có thể uống ngay được.

- Vậy như thế nào mới là nước sạch có thể dùng được?

Liên hệ thực tế:

- Vậy làm thế nào để có nước sạch có thể dùng được?

GV: Cho HS hoạt động thảo luận nhóm
Tìm hiểu một số cách làm sạch nước.

- Kể ra một số cách làm sạch nước mà gia đình hoặc địa phương bạn đã sử dụng?

- Kết luận :

GDBVMT: Nêu cách BV nguồn nước trong thiên nhiên.

- HS có thể đề xuất: Đọc SGK, xem phim, làm thí nghiệm, tìm kiếm thông tin trên mạng, tham khảo ý kiến người lớn, ...

- HS trả lời theo suy nghĩ của mình

- Các nhóm đề xuất TN, sau đó tập hợp ý kiến của nhóm (bằng hình vẽ) vào bảng nhóm

- Các nhóm trình bày thí nghiệm nhóm đề xuất.

- HS tiến hành làm thí nghiệm (viết vào vở thí nghiệm)

- Đại diện các nhóm lên trình bày (bằng cách tiến hành lại thí nghiệm)

- Các nhóm khác có thể đặt câu hỏi cho nhóm bạn ,...

- HS trả lời theo ý riêng

- Nghe

- HS thảo luận nhóm tìm hiểu cách làm sạch nước:

- HS trao đổi các cách lọc nước

- HS kể về cách làm và tác dụng của mỗi cách làm ấy.

- Lọc nước; khử trùng; đun sôi.

- Trong thực tế nước được làm sạch ở gia đình em bằng cách nào?

- Tại sao cần thiết phải đun sôi nước uống?
- Trong công nghiệp họ làm sạch nước bằng cách nào?

-Cho HS mở SGK trang Mục bạn cần biết SGK - T57

- Chúng ta đã được tìm hiểu nội dung của bài học nào trong SGK?

(GV ghi bảng tên bài học)

- Em biết thêm được cách làm sạch nước nào?

- Kể ra một số cách làm sạch nước mà gia đình hoặc địa phương bạn đã sử dụng

- Nêu tác dụng của mỗi cách?

- Gọi hs trả lời câu hỏi

Chốt: Có các cách làm sạch nước: Lọc nước, khử trùng nước, đun sôi.

Tác dụng:

+ *Lọc nước: Tách các chất không hoà tan ra khỏi nước*

+ *Khử trùng nước: Để diệt vi khuẩn bằng nước gia-ven...*

+ *Đun sôi: Làm cho phần lớn các vi khuẩn chết, nước bốc hơi mạnh, mùi thuốc khử trùng cũng hết*

3. **Củng cố, dặn dò:**

- Nêu các cách làm sạch nước. Tác dụng của mỗi cách.

- Nhận xét tiết học

- Thông thường có 3 cách làm sạch nước:

1. Lọc nước: Bằng giấy lọc, bông... lót ở phễu. Bằng sỏi, cát, than củi, ... đối với bể lọc.

- Tác dụng: Tách các chất không bị hoà tan ra khỏi nước.

2. Khử trùng: Pha vào nước những chất khử trùng như nước gia- ven.

3. Đun sôi: Đun sôi nước, để thêm 10 phút, vi khuẩn chết hết, nước bốc hơi mạnh mùi thuốc khử trùng cũng hết.

- HS lần lượt nêu các cách khử trùng nước

- HS nêu

- HS lần lượt trả lời

Buổi chiều

Tiết 1: **Tin học** (GVC dạy)

Tiết 2: **Toán ***

LUYỆN TẬP: NHÂN NHẨM SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ VỚI 11

I. Mục tiêu: - Luyện tập và củng cố về nhân nhẩm số có hai chữ số với 11, các t/c của phép nhân.

-Thực hành nhân nhẩm nhanh, đúng; áp dụng nhân nhẩm số có hai chữ số với 11 để tìm thành phần chưa biết; trình bày bài toán khoa học. Vận dụng tính chất của phép nhân để tính thuận tiện

- Giáo dục HS sự cẩn thận, khoa học trong tính toán và trình bày bài làm

II.Đồ dùng: Bảng con; bảng phụ BT3

III/ Hoạt động dạy học :

1. Ôn lý thuyết

?Nêu cách nhân nhẩm số có hai chữ số với 11

-HS nêu, HS yếu nhắc lại

- GV chốt lại cách nhẩm ở hai trường hợp

2 :Thực hành

Bài 1. Tính nhẩm

$$53 \times 11 \quad 11 \times 85 \quad 75 \times 11$$

$$45 \times 11 \quad 11 \times 46 \quad 46 \times 11$$

$$*MR: 346 \times 11$$

- YC HS làm bài theo cặp 6 phép tính đầu.

- KKHS tìm ra cách tính nhẩm phép tính 346×11 .

- Gọi HS nêu kết quả, nhận xét.

GV củng cố kiến thức nhân nhẩm số có hai chữ số với 11.

Bài 2 : Tính bằng cách thuận tiện nhất

$$a/ 65 \times (10 + 1)$$

$$b/ 62 \times 12 - 1 \times 62$$

$$*c / 37 \times 8 + 37 \times 2 + 37$$

Củng cố cho HS về cách sử dụng các t/c của phép nhân, cách nhân nhẩm với 11 để tính nhanh

Bài 3 : Tìm X biết: (bảng phụ)

$$a/ x : 11 = 25 \quad b/ x : 11 = 78$$

$$*c/ (X + 20) : 11 = 81 ;$$

$$*d/ (X - 37) : 11 = 47$$

- Y/ c HS tự làm bài; khuyến khích HS làm thêm phần c,d

- H/d chữa trên bảng

Củng cố cách tìm SBC, cách tìm x dạng phức tạp (phần c,d), áp dụng nhân nhẩm với 11

$$\text{Giải : VD: } c/ (X + 20) : 11 = 81$$

$$X + 20 = 81 \times 11$$

$$X + 20 = 891$$

$$X = 891 - 20$$

$$X = 871$$

Bài 4: Ngân nghĩ một số. Ngân lấy số đó cộng với 28 rồi đem chia cho 11 thì được 25. Tìm số Ngân nghĩ.

Giải: Cách 1:

Số trước khi chia cho 17 là : $25 \times 11 = 275$

Số trước khi cộng với 28 hay số cần tìm là:

$$275 - 28 = 247$$

-HS lấy vd, nêu kết quả kết quả.

- HS hỏi đáp theo cặp mỗi em nêu kết quả một phép tính.

- KKHS tìm cách tính nhẩm 346×11 .

- Vài HS nêu kết quả và cách nhẩm.

HS nêu kết quả và cách nhẩm phép tính: $346 \times 11 = 3806$.

. Viết 6 vào số tận cùng của tích.

. $6 + 4 = 10$ viết 0 vào trước số 6.

. $4 + 3 = 7$ thêm 1 được 8 viết 8 vào trước số 0.

. Viết 3 vào trước số 8 được tích: 3806.

- Làm trong bảng con

- Giải thích cách làm+ nêu rõ đã vận dụng t/c nào của phép nhân...

- Nêu lại các thành phần, cách tìm thành phần chưa biết ở phép tính

- Tự làm trong vở; 4 HS chữa bài

- HS chữa bài trong vở (nếu sai)

- Đọc đề và nêu y/c

- Tự làm trong nháp + nêu cách làm

- Chữa bài trong vở (theo các cách khác nhau)

Cách 2:

Gọi số Ngân nghĩ là x. Theo bài

$$\text{ta có: } (x + 28) : 11 = 25$$

Đáp số : 247

* Giải cả hai cách

3.Củng cố- Dặn dò

+ Nêu lại cách nhân nhẩm 1 số có 2 chữ số với 11?

- GV nhận xét tiết học .Dặn HS về xem lại bài hoặc giải lại nếu chưa thành thạo.

$$x+28 = 25 \times 11$$

$$x+28 = 275$$

$$x = 275 - 28$$

$$x = 247.$$

Vậy số Ngân nghĩ là 247

- 1 HS nêu lại

Tiết 3: **Âm nhạc** (GVC dạy)

Thứ 4 ngày 7 tháng 12 năm 2022

Buổi sáng

Tiết 1: **Toán**

LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU

- Thực hiện được phép chia một số có nhiều chữ số cho số có một chữ số.
 - Củng cố cách giải bài toán: Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.
 - Biết vận dụng chia chia một tổng (hiệu) cho một số.
 - Rèn kĩ năng thực hiện phép chia số có nhiều chữ số cho số có một chữ số.
 - Hoàn thành tối thiểu bài 1; 2 (a); 4(a).
 - Giáo dục HS yêu thích môn học, có ý thức tự giác học tập.
- => Phở triển năng tính toán cho HS.

II.CHUẨN BỊ :

III. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

HD1: HD khởi động:

KIỂM TRA BÀI CŨ (5')

- Đặt tính rồi tính.

$$13568 : 4$$

$$78903 : 6$$

HD2: BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài (1')

2. Luyện tập (31')

Bài 1: Cho HS nêu yêu cầu.

- Gọi HS lên bảng chữa bài.

- GV nhận xét, chữa bài.

* Củng cố, rèn kĩ năng thực hiện phép chia cho số có một chữ số.

Bài 2 (a): Cho HS nêu yêu cầu.

- Gọi HS lên bảng chữa bài.

- GV nhận xét, chữa bài.

* Củng cố cách giải bài toán Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.

Bài 4: Cho HS nêu yêu cầu

- GV theo dõi, hướng dẫn.

- HS nêu yêu cầu, suy nghĩ làm bài.

- 4 HS lên bảng chữa bài.

- Lớp nhận xét, chữa bài.

- HS nêu, suy nghĩ làm bài.

- HS chữa bài.

- Lớp nhận xét, chữa bài.

- HS nêu yêu cầu, suy nghĩ làm bài.

- Gọi HS chữa bài.
 - GV nhận xét, chữa bài.
 * Củng cố cách chia một tổng (hiệu) cho một số (Nếu còn thời gian cho HS làm bài còn lại).
 Bài 3: Cho HS đọc bài.
 - GV hướng dẫn HS làm.
 - Gọi HS lên bảng làm.
 - GV nhận xét, chữa bài.
 * Củng cố giải toán có lời văn liên quan bài toán chia cho số có một chữ số.
HD3: HD ứng dụng (3')
 Trao đổi với người thân về cách chia.

- HS chữa bài, giải thích cách làm.
 - Lớp nhận xét, chữa bài.
 - HS đọc bài, xác định dạng toán, suy nghĩ làm bài.
 - HS lên bảng chữa bài.
 - Lớp nhận xét, chữa bài.

Tiết 2: Kể chuyện BÚP BÊ CỦA AI ?

I. Mục tiêu:

- Dựa theo lời kể của GV, nói được thuyết minh cho từng tranh minh họa (BT1). Bước đầu kể lại được câu chuyện bằng lời kể của búp bê.
 - Hiểu lời khuyên của câu chuyện: Phải biết giữ gìn, yêu quý đồ chơi.
 - Rèn kĩ năng nghe, nói (kể chuyện) cho HS.
- Điều chỉnh: Không hỏi câu hỏi 3.*

II. Chuẩn bị:

- Tranh minh họa trong SGK, nội dung câu chuyện

III. Hoạt động dạy – học:

A. Bài cũ: Yêu cầu HS kể lại câu chuyện : Cậu bé Niu – ton.
 -Nêu ý nghĩa câu chuyện.
 -GV nhận xét chung.

B. Bài mới:

1. Giới thiệu bài : Búp bê của ai?

2. Hướng dẫn hs kể chuyện:

Hoạt động 1: HD kể chuyện

a. GV kể chuyện

- Giọng kể chậm rãi, nhẹ nhàng; kể phân biệt lời các nhân vật (lời búp bê lúc đầu: tủi thân, sau: sung sướng. Lời Lật đặt: oán trách. Lời Nga: hơi âm lên, đồng đánh. Lời cô bé: dịu dàng)
- Kể lần 1: Sau khi kể lần 1, GV giải nghĩa một số từ khó chú thích sau truyện.
- Kể lần 2: Vừa kể vừa chỉ vào tranh minh họa phóng to trên bảng.
- Kể lần 3 (nếu cần)

Hoạt động 2: Hướng dẫn hs kể truyện, trao

1-2 HS kể.
 -Cả lớp theo dõi nhận xét.

-HS lắng nghe.

-HS nghe kết hợp nhìn tranh minh họa, đọc phần lời dưới mỗi tranh trong SGK.

đổi về ý nghĩa câu chuyện

Bài tập 1:

- GV đính 6 tranh lên bảng.
- Yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi, viết vào băng giấy lời thuyết minh của mình, mỗi tranh 1 lời thuyết minh.
- Nhắc hs tìm lời thuyết minh cho ngắn gọn.
- GV nhận xét chốt lại ý đúng.

Bài tập 2:

- Kể chuyện bằng lời của búp bê là như thế nào?
- Khi kể phải xưng hô thế nào?
- Nhắc nhở HS kể nhập vai mình là búp bê để kể lại chuyện, ý nghĩ và việc làm, cảm xúc của nhân vật búp bê. Khi kể phải xưng *tôi, tớ, mình hoặc em*.
- GV-HS nhận xét tuyên dương.

4. Củng cố, dặn dò

- Câu chuyện muốn nói với các em điều gì?
- Khen ngợi những HS kể tốt và cả những HS chăm chú nghe bạn kể, nêu nhận xét chính xác.
- Dặn HS về nhà kể lại truyện cho người thân

- HS đọc yêu cầu bài tập.

- HS thảo luận 4 nhóm , trao đổi với nhau và viết vào băng giấy, dán lên bảng, các nhóm khác nhận xét.

- Nhóm khác nhận xét.

- + HS đọc yêu cầu bài tập.

- ... mình đóng vai búp bê kể lại chuyện.

- ... tôi, tớ, mình, hoặc em.

- Đọc: Kể lại câu chuyện bằng lời kể của búp bê.

- Một hs kể mẫu 1 đoạn.

- Các cặp kể với nhau.

- Hs thi kể chuyện trước lớp.

Tiết 3: Tập đọc
CHÚ ĐẤT NUNG (tiếp)

I. Mục tiêu

- Hiểu nội dung: Chú Đất Nung nhờ dám nung mình trong lửa đã trở thành người hữu ích, cứu sống được người khác.
- HS biết đọc với giọng kể chậm rãi, phân biệt được lời người kể với lời nhân vật(chàng kĩ sĩ, nàng công chúa, chú Đất Nung).
- Rèn KNS: Xác định giá trị. Tự nhận thức bản thân. Thể hiện sự tự tin.
- GD HS tích cực rèn luyện bản thân thì mới trở thành người có ích.

II. Đồ dùng dạy - học

- Tranh minh hoạ
- Bảng phụ ghi đoạn văn luyện đọc diễn cảm.

III. Các hoạt động dạy - học

A. Kiểm tra bài cũ: Chú Đất Nung

- + Chú bé Đất đi đâu và gặp chuyện gì ?
- + Vì sao chú bé Đất quyết định trở thành Đất Nung ?

- GV đánh giá.

B. Bài mới

1. Giới thiệu bài:

- GV giới thiệu bài qua tranh minh hoạ.

- 2 HS nối tiếp nhau đọc bài rồi trả lời câu hỏi
- HS nhận xét

- HS lắng nghe.

- Các em đã được đọc phần đầu truyện Chú Đất Nung. Chú bé Đất Nung đã dám nung mình trong lửa. Phần tiếp của truyện cho chúng ta biết điều gì? Bài học hôm nay sẽ giúp các em trả lời câu hỏi trên.

2. Nội dung bài

Hoạt động 1: Hướng dẫn luyện đọc

- GV cho 1 HS đọc bài 1 lượt.

- Bài văn chia làm mấy đoạn ?

- GV gọi 4 HS tiếp nối nhau đọc từng đoạn của bài. HDHS đọc đúng câu hỏi : *Kẻ nào đã bắt nàng tới đây ? Lâu son của nàng đâu ? huột ăn rồi ! Sao trông anh khác thế ?*

GV kết hợp hướng dẫn HS đọc từ khó:

buồn tênh, nước xoáy, cộc tuếch, ...

- Gọi HS nối tiếp nhau đọc bài lần 2. Kết hợp giải nghĩa khó : *phục sẵn, lâu son, nước xoáy, cộc tuếch...*

- GV đọc diễn cảm toàn bài: Chuyển giọng linh hoạt phù hợp với diễn biến câu chuyện.

Hoạt động 2: Hướng dẫn tìm hiểu bài

Đoạn 1 + 2:

- Kể lại tai nạn của hai người bột?

Ý 1: Tai nạn của hai người bột.

Đoạn 3 + 4:

- Đất Nung đã làm gì khi thấy hai người bột gặp nạn?

- Vì sao Đất Nung có thể nhảy xuống nước, cứu hai người bột?

- Câu nói *cộc tuếch* của Đất Nung có ý nghĩa gì?

- HS đọc, cả lớp theo dõi đọc thầm theo bạn.

4 đoạn :

Đoạn 1: *Từ đầu đến vào cổng tìm công chúa.*

Đoạn 2: *Tiếp đến ...chạy trốn.*

Đoạn 3: *Tiếp đến vót lên bờ phơi nắng cho se bột lại.*

Đoạn 4: *Còn lại*

- HS đọc nối tiếp từng đoạn của bài

- 4 HS nối tiếp nhau đọc bài. Mỗi HS đọc một đoạn của bài.

- HS luyện đọc đúng câu.

- 4 HS đọc nối tiếp bài lần 2, mỗi HS đọc một đoạn của bài. Cả lớp đọc thầm theo dõi và nhận xét bạn đọc.

- Theo dõi GV đọc mẫu để nắm được giọng đọc bài văn.

- 1 HS đọc đoạn 1, 2

- Hai người bột sống trong lọ rất buồn chán, chuột cạy nắp tha nàng công chúa vào cổng, chàng kị sĩ phi ngựa đuổi theo bị chuột lừa vào cổng....nhũn cả chân tay.

- 1 HS đọc đoạn 3, 4

- Khi thấy hai người gặp nạn, chú liền nhảy xuống vót họ lên bờ phơi nắng cho se bột lại.

- Vì Đất Nung đã được nung trong lửa chịu được nắng mưa nên không sợ nước, không bị nhũn chân tay khi gặp nước như hai người bột.

- Câu nói ngắn gọn, có ý thông cảm với hai người bột chỉ sống trong lọ thủy tinh, không chịu được thử thách.

Hoặc : xem thường những người chỉ sống trong sung sướng không chịu đựng gian khổ, khó khăn.

Ý 2: Chú Đất Nung cứu sống được hai người bột.

- Đặt tên khác cho truyện.

- Nêu nội dung bài.

Hoạt động 3: Hướng dẫn đọc diễn cảm

- Gv nêu các giọng đọc của từng nhân vật trong truyện

- Giọng người kể: chậm rãi ở câu đầu, căng thẳng, hồi hộp ở đoạn tả nỗi nguy hiểm mà nàng công chúa và chàng kị sĩ phải trải qua.

- Giọng chàng kị sĩ và nàng công chúa: lo lắng, căng thẳng khi gặp nạn, ngạc nhiên, khâm phục khi gặp lại chú Đất Nung.

- Giọng chú bé Đất: thẳng thắn, chân thành, bộc tuệch.

- Gọi hs đọc truyện theo vai

- GV treo bảng phụ ghi đoạn văn cần luyện đọc

Nàng công chúa phục quá thì thảo với chàng kị sĩ:

- Thế mà chúng mình mới chìm xuống nước đã vừa ra.

Đất Nung đánh một câu cộc tuếch:

- Vì các đấng ấy ở trong lọ thủy tinh mà.

- Tổ chức cho hs thi đọc đoạn văn, toàn truyện

- Nhận xét giọng đọc

3. Củng cố dặn dò

- Qua câu chuyện em rút ra bài học gì?

- GV củng cố nội dung bài học.

- GV nhận xét tiết học.

- Dặn chuẩn bị bài sau: *Cánh diều tuổi thơ*.

Hoặc: khuyên con người cần phải rèn luyện mới cứng cáp

+ Lửa thử vàng, gian nan thử sức.

+ Ai chịu rèn luyện, người đó trở thành hữu ích.

+ Vào đời mới biết ai hơn.

-Chú Đất Nung nhờ dám nung mình trong lửa đã trở thành người hữu ích, cứu sống được người khác.

- HS nêu cách đọc diễn cảm.

- HS luyện đọc. Thi đọc diễn cảm, đọc cá nhân, đọc phân vai (Người dẫn chuyện, chú bé Đất, chàng kị sĩ, nàng công chúa

I. MỤC TIÊU:

- HS biết cách khâu móc xích và ứng dụng của khâu móc xích.
 - Biết các mũi khâu móc xích tạo thành các vòng chỉ móc nối tiếp tương đối đều nhau.
 - HS hứng thú học khâu.
- => Phát triển năng lực thẩm mỹ và sáng tạo cho HS.

II. CHUẨN BỊ :

- Mẫu khâu móc xích. Hộp kỹ thuật cắt, khâu, khâu.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**HD1: HD khởi động:****KIỂM TRA (2')**

- Kiểm tra đồ dùng của HS.

HD2: BÀI MỚI**1. Giới thiệu bài (1')****2. Hoạt động 1: Hướng dẫn HS quan sát và nhận xét mẫu (8')**

* GV giới thiệu mẫu.

- Yêu cầu HS nhận xét và nêu tóm tắt đặc điểm của đường khâu móc xích.
- GV chốt kiến thức.
- Yêu cầu HS dựa vào mẫu khâu để trả lời câu hỏi: Khâu móc xích là như thế nào?
- GV chốt kiến thức (ghi nhớ SGK)

* Giới thiệu một số sản phẩm khâu móc xích.

- Khâu móc xích được dùng để làm gì?
- GV chốt : Khâu...dùng khâu trang trí hoa, lá, con giống lên cổ áo, ngực áo...

3. Hoạt động 2: Hướng dẫn thao tác kỹ thuật (26')

- Cho HS quan sát tranh quy trình khâu móc xích trong SGK.
- Nêu các bước khâu?
- GV chốt các bước khâu.
- GV hướng dẫn mẫu (2 lần)
- + Không rút chỉ chặt quá hoặc lỏng quá.

HD3: HD ứng dụng (3')

- HS quan sát.
- HS nêu. Lớp nhận xét, bổ sung.
- HS trả lời.
- 2 HS đọc ghi nhớ.
- HS quan sát.
- HS liên hệ thực tế trả lời.
- HS quan sát.
- 2, 3 HS nêu, lớp nhận xét.
- HS lên thực hành khâu.

Buổi chiều:

Tiết 1: Tiếng Việt*
ĐỌC VĂN HAY CHỮ TỐT

I. Mục tiêu :

- Rèn cho HS đọc đúng, đảm bảo tốc độ, diễn cảm bài tập đọc Văn hay chữ tốt
- Qua bài đọc giúp HS hiểu nội dung, ý nghĩa bài đọc.
- Có ý thức rèn luyện chữ viết.

II. Các hoạt động dạy- học

Hoạt động của thầy

1. Giới thiệu bài (1 phút)
2. Luyện đọc . (35 phút)

- Gọi 1 HS khá đọc diễn cảm toàn bài.
- GV nhận xét, nhắc lại cách đọc cho HS, lưu ý cho HS nhấn giọng ở một số từ ngữ: *"rất xấu, khản khoản, oan uổng, sẵn lòng, thét lính, đuổi, vô cùng ân hận, dốc sức, căng cáp, mười trang vở, nổi danh, văn hay chữ tốt..."*. Đồng thời lưu ý cho HS ngắt nhịp ở một số câu đầu và một số câu cuối bài, và chú ý ngắt giọng ở một số câu:
Thuở đi học, Cao Bá Quát viết chữ rất xấu nên nhiều bài văn dù hay /vẫn bị thầy cho điểm kém.
Một hôm có bà cụ hàng xóm sang khản khoản:
- Gia đình già có một việc oan uổng muốn kêu quan, nhờ cậu viết giúp cho lá đơn, có được không?
Cao Bá Quát vui vẻ nhận lời:
- Tưởng việc gì khó, chứ việc ấy cháu xin sẵn lòng.
 - GV đọc mẫu toàn bài
 - Yêu cầu HS luyện đọc trong nhóm.
- Gọi từng nhóm lên thi đọc.
- GV nhận xét, đánh giá.
- Qua bài tập đọc này giúp các em hiểu thêm điều gì?
 → *(Ca ngợi tính kiên trì, quyết tâm, sửa chữ viết xấu của Cao Bá Quát. Sau khi hiểu chữ xấu rất có hại, Cao Bá Quát đã dốc sức rèn luyện, trở thành người nổi danh văn hay chữ tốt.)*
- 3. Củng cố - dặn dò. (3 phút)
- NX tiết học.
- Nhắc HS về nhà tiếp tục luyện đọc.

Hoạt động của trò

- HS mở SGK đọc thầm bài đọc
- Theo dõi, NX: giọng đọc, nhịp độ đọc,...
- HS phân nhóm, luyện đọc, sửa cho nhau.
- Lớp nhận xét
- HS trả lời.

Tiết 2: Tiếng Việt*

LUYỆN TẬP MỞ RỘNG VỐN TỪ: Ý CHÍ - NGHỊ LỰC

I. Mục tiêu:- Củng cố, hệ thống hoá các từ ngữ nói về ý chí, nghị lực, nắm chắc nghĩa của một số thành ngữ, tục ngữ.

- Vận dụng đặt câu chính xác, viết đoạn văn nói về người có ý chí nghị lực trong cuộc sống.

- Giáo dục học sinh ham học Tiếng việt. Có ý thức vươn lên trong học tập.

II. Đồ dùng dạy học:

- GV: Hệ thống bài tập cho học sinh.

- HS: Ôn lại bài, vở ghi.

III. Các hoạt động dạy học:

A. Kiểm tra bài cũ:

- Kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh.

B. Bài mới:

1. Giới thiệu bài:

2. Nội dung:

Hoạt động 1: Ôn lại kiến thức

- Nêu tên bài MRVT đã học trong tuần 12 và 13?

- Em hiểu thế nào là ý chí? Nghị lực?

- Gạch dưới những từ có tiếng chí với nghĩa **rất, hết sức** (biểu thị mức độ cao nhất)

chí phải, ý chí, chí lí, chí thân, chí khí, chí tình, chí hướng, chí công, quyết chí.

- GV nhận xét, chốt lời giải đúng.

- Nêu một số câu tục ngữ về ý chí - nghị lực?

Chốt: ý chí, nghị lực làm cho con người kiên quyết trong hành động không lùi bước trước khó khăn.

GDHS khắc phục khó khăn vươn lên trong học tập

- HS nêu tên: ý chí - nghị lực

- HS nêu

- HS gạch dưới các từ: chí phải, chí lí, chí thân, chí tình,

- HS nêu: Lửa thử vàng, gian nan thử sức; ...

Hoạt động 2: Thực hành

Bài 1: Điền tiếng kiên hoặc tiếng quyết vào những chỗ trống để tạo thành các từ ghép:

a) cường

g) liệt

b) chiến

h) tâm

c) trung

i) tử

d) chí

k) nhẫn

e) trì

n) thắng

- Gọi hs đọc lại các từ vừa điền

* Tìm thêm từ khác cùng nghĩa

Chốt: Các từ ghép có nghĩa giống với nghĩa của từ ý chí, nghị lực

Bài 2: Chọn 3 từ trong BT1 và đặt câu với mỗi từ đó?

- Gọi hs đọc câu mình vừa đặt

- GV nhận xét sửa lỗi cho hs

Chốt: cách đặt câu, trình bày câu khi viết, cách dùng từ khi viết câu

Bài 3: Khoanh tròn vào chữ cái trước câu tục ngữ ca dao nói về ý chí nghị lực của con người

A. Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo.

B. Chọn bạn mà chơi, chọn nơi mà ở.

C. Thắng không kiêu bại không nản

D. Thua thầy một van không bằng thua bạn

- Đọc yêu cầu của bài

- Làm bài cá nhân vào vở

- 1HS làm bài trên bảng lớp

- HS đọc bài của mình

- HS làm bài vào vở

- HS đọc câu

- HS làm bài vào bảng lớp, khoanh vào các chữ cái:

A; C; E; G

một li.

E. Thua keo này, bày keo khác.

G. Đèo cao thì mặc đèo cao

Trèo lên tới đỉnh, ta cao hơn đèo.

Chốt: Các câu ca dao tục ngữ nói về ý chí nghị lực

Bài 4: Viết 1 đoạn văn ngắn khoảng 3-4 câu viết về một tấm gương có ý chí, nghị lực vươn lên trong cuộc sống trong đó có sử dụng 1 số từ ngữ tìm được trong bài tập 1 và tục ngữ trong bài tập 3.

- Đoạn văn em viết về ai?

- Việc làm nào của người đó thể hiện có ý chí, nghị lực?

- Em học tập người đó điểm nào?

- *Gv củng cố cách viết đoạn văn*

3. Củng cố, dặn dò:

- Đặt câu với một câu tục ngữ trong bài tập 3?

- Nhận xét tiết học.

- Nhắc học sinh ôn lại bài và viết lại đoạn văn cho hay hơn.

- HS viết đoạn văn vào vở.

- HS đọc bài làm của mình trước lớp

Tiết 3: Toán *

LUYỆN TẬP: NHÂN VỚI SỐ CÓ BA CHỮ SỐ

I, Mục tiêu:

- Củng cố về phép nhân với số có 3 chữ số. Tự nêu được phép tính và thực hiện phép tính, đặt đề toán có liên quan đến phép nhân và giải.

- Rèn kĩ năng nhân, đặt tính và giải toán có lời văn.

- Giáo dục hs yêu thích môn học; góp phần phát huy khả năng sáng tạo của học sinh

II. Đồ dùng dạy học :

GV: Hệ thống bài tập cho hs làm thêm

III. Các hoạt động dạy - học :

Hoạt động 1: Ôn kiến thức lí thuyết

- Y/C mỗi hs tự viết một phép tính nhân với số có 3 CS rồi thực hiện phép tính đó.

- Chữa bài, nhận xét.

- Gọi HS nhắc lại cách thực hiện phép nhân.

Chốt : Thông thường khi nhân với số có 3 chữ số có 3 tích riêng . Trường hợp thừa số thứ 2 có chữ số 0 ở hàng chục và hàng đơn vị ta chỉ cần nhân các hàng còn lại . Lưu ý nhân hàng nào đặt thẳng cột các tích riêng với chữ số hàng ấy (Nhân hàng chục ta đặt chữ số đầu tiên thẳng hàng chục của tích riêng thứ nhất tức là lùi sang trái 1 cột so với tích riêng thứ nhất)

- Lớp làm nháp, 2 hs thực hiện trên bảng lớp.

- 2 hs nhắc lại.

Hoạt động 2: Thực hành

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

162 x 105 234 x 117 315 x 421

- Yêu cầu hs làm bài vào bảng con, 3 hs làm bảng lớp

- Gọi hs nhận xét

Chốt: Cách đặt tính và thực hiện tính nhân với số có ba chữ số (Lưu ý hs đặt các tích riêng).

Bài 2: Tính giá trị biểu thức

a) $234 \times 123 + 4567$

b) $135790 - 324 \times 205$

Chốt: thứ tự thực hiện phép tính trong biểu thức.

Bài 3:

Một khu đất hình chữ nhật có nửa chu vi là 240 m. Chiều dài hơn chiều rộng 40 m. Người ta trồng khoai trên khu đất đó, tính ra cứ 8 m^2 thì thu được 32 kg khoai. Hỏi người ta thu hoạch được bao nhiêu tạ khoai ở khu đất đó?

- Yêu cầu hs tìm ra cách làm và làm bài vào vở

- Gọi hs chữa bài, nhận xét

Chốt: Cách giải bài toán tính diện tích HCN; sản phẩm thu được trên khu đất.

Bài 4. Khi nhõn 36 với một số cú ba chữ số giống nhau, bạn Bõnh đó đặt tất cả cốc tách rìong thẳng cột như trong phõp cộng nờn đó được kết quả là 432. Em hõy giõp bạn tõm tõch ãyng của phõp nhõn ãú.

HD :

Võ thừa số thứ hai là 1 số cú ba chữ số giống nhau nờn 3 tõch rìong sẽ cú kết quả giống nhau.Đặt tất cả cốc tách rìong thẳng cột như trong phõp cộng được kết quả là 432. Vậy giỏ trị của 1 tõch rìong là: $432 : 3 = 144$ Chữ số hàng trăm, hàng chục (và hàng ãn vị) của thừa số thứ 2 là:

$144 : 36 = 4$ Thừa số thứ hai là 444

Tõch ãyng là: $36 \times 444 = 15984$

3. Cũng cố, ãyng ão:

- Yêu cầu hs nêu lại cách nhân với số có ba chữ số.

- Nhận xét tiết học

- Nhắc hs ôn lại bài, về ôn lại các bảng chia ãể học phép chia.

- 3 HS lên bảng, HS cả lớp làm bài vào bảng con

- HS chữa bài

- 2 HS lên bảng, HS cả lớp làm bài vào giấy nháp.

- HS nêu thứ tự thực hiện

phép tính trong biểu thức.

- HS ãọc ãề, phân tích ãề bài toán

- Xác ãịnh dạng toán

- Lập kế hoạch giải bài toán

- Trình bày bài giải vào vở

B1: Tìm chiều ãài khu ãất.

B2: Tìm chiều rộng khu ãất.

B3: Tìm ãiện tích khu ãất.

B4: Tìm số khoai thu ở 1 m^2

B 5: Tìm số khoai thu cả khu ãất.

- HS ãọc yêu cầu bài, thảo luận cách làm

- HS làm bài vào vở

- 1 em lên chữa bài

Buổi sángTiết 1: **Toán****CHIA MỘT SỐ CHO MỘT TÍCH****I. Mục tiêu:**

- Thực hiện được phép chia một số cho một tích .
- Rèn kĩ năng làm tính cho hs
- GD HS yêu thích môn học; góp phần phát huy khả năng sáng tạo của hs .

II. Đồ dùng dạy - học:

- Phần màu; thay nội dung BT 3 cho phù hợp (bảng phụ)

*Có 2 bạn học sinh mỗi bạn mua 3 quyển vở cùng loại và tất cả phải trả 33000 đồng.
Tính giá tiền mỗi quyển vở.*

III. Các hoạt động dạy - học:**A. Kiểm tra bài cũ:**

- Gọi HS lên bảng làm bài 3 tiết 68; lớp làm bài vào nháp
- Gọi hs chữa bài. GV nhận xét.
- Kiểm tra việc chuẩn bị bài của hs

B. Bài mới: 1. Giới thiệu bài:**2. Nội dung:****Hoạt động 1: Giới thiệu tính chất một số chia cho một tích****a. So sánh giá trị các biểu thức**

- GV viết lên bảng 3 biểu thức sau :

$$24 : (3 \times 2) \quad 24 : 3 : 2 \quad 24 : 2 : 3$$

- Yêu cầu hs thực hiện tính giá trị của biểu thức

- Từ kết quả của 3 phép tính em rút ra đ- ợc gì?

Kết luận :

$$24 : (3 \times 2) = 24 : 3 : 2 = 24 : 2 : 3$$

b. Tính chất một số chia cho một tích

- Biểu thức $24 : (3 \times 2)$ có dạng như thế nào ?

- Nêu cách thực hiện biểu thức này.

- Qua VD em rút ra nhận xét gì?

- Khi thực hiện tính một số chia cho một tích ta có thể làm thế nào ?

- HS đọc các biểu thức, tính giá trị vào giấy nháp. 3 HS lên bảng tính

- Học sinh lên bảng, cả lớp làm vào nháp.

$$24 : (3 \times 2) = 24 : 6 = 4$$

$$24 : 3 : 2 = 8 : 2 = 4$$

$$24 : 2 : 3 = 12 : 3 = 4$$

- Từ kết quả của 3 phép tính em rút ra đ- ợc kết quả của 3 phép tính bằng nhau và cùng bằng 24.

- Một số chia cho một tích.

- Tính tích $3 \times 2 = 6$ rồi $24 : 6 = 4$

- + Lấy $24 : 3$ rồi chia tiếp cho 2

- + Lấy $24 : 2$ rồi chia tiếp cho 3

- HS nêu: Khi chia một số cho một tích hai thừa số ta có thể chia số đó cho một thừa số, rồi lấy kết quả tìm được chia tiếp số kia.

Hoạt động 2: Luyện tập**Bài 1 :** Tính giá trị của biểu thức

- GV viết đầu bài , HD HS làm bài

- Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì ?

- HS tính(HS có thể làm 1 trong 2 cách sau)

C1: làm trong ngoặc trước rồi chia sau.

C2: phá ngoặc làm chia cho một số

- Nhận xét, chữa bài

Chốt cách tính giá trị của biểu thức.

Bài 2 :

- GV viết biểu thức $60 : 15$ và yêu cầu HS đọc biểu thức.

- GV HD mẫu

- Viết $60 : 15$, yêu cầu suy nghĩ để chuyển thành phép chia một số cho một tích (15 bằng mấy nhân mấy)

- Vì $15 = 3 \times 5$ nên ta có: $60 : 15 = 60 : (3 \times 5)$

‘- Yêu cầu tính giá trị của $60 : (3 \times 5)$

- Yêu cầu làm các phần còn lại.

- Gọi hs nêu cách làm bài và đáp số

- GV nhận xét chung.

Chốt cách chuyển chia cho số có hai chữ số về dạng chia một số cho một tích

Bài 3 :

- GV treo bảng phụ ghi nội dung bài tập

- Gọi học sinh đọc yêu cầu.

- Yêu cầu tóm tắt đề toán.

Tóm tắt

Có 2 HS; mỗi HS : 3 quyển.

Tất cả trả : 33000 đồng

1 quyểnđồng?

- Hai bạn mua bao nhiêu quyển vở?

- Giá của mỗi quyển vở là bao nhiêu?

-Nêu cách giải khác.

Chốt cách giải toán có lời văn

3. Củng cố, dặn dò:

- Nêu tính chất chia một số cho 1 tích .

- Nhận xét tiết học

- Nhắc hs ôn lại bài, xem trước bài sau: *Chia một tích cho 1 số* .

trước rồi lấy kết quả chia tiếp số thứ hai.

HS làm bảng.

$$a. 50 : (2 \times 5) = 50 : 10 = 5$$

$$50 : (2 \times 5) = 50 : 2 : 5 = 25 : 5 = 5$$

$$50 : (2 \times 5) = 50 : 5 : 2 = 10 : 2 = 5$$

- HS đọc yêu cầu của bài

- 1 học sinh đọc to.

- Đọc biểu thức.

- Suy nghĩ và nêu:

$$60 : 15 = 60 : (3 \times 5)$$

- HS tính:

$$60 : (3 \times 5) = 60 : 3 : 5 = 20 : 5 = 4$$

$$60 : (3 \times 5) = 60 : 5 : 3 = 12 : 3 = 4$$

- HS nêu cách làm bài

- HS làm bài vào vận dụng tính chất chia một số cho một tích để tính.

-Trình bày kết quả:

$$a. 80 : 40 = 80 : (10 \times 4)$$

$$= 80 : 10 : 4 = 8 : 4 = 2$$

- 1 HS đọc đề toán.

- 1 HS tóm tắt trước lớp.

- HS làm bài

C1: +B1: Tính số quyển vở của hai bạn mua

+B2: Tính giá tiền mỗi quyển vở

C 2: +B1: Tính số tiền của mỗi bạn mua vở.

+B2: Tính giá tiền mỗi quyển vở .

Tiết 2: Tập làm văn THẾ NÀO LÀ MIÊU TẢ?

I- Mục tiêu:

- Hiểu được thể nào là văn miêu tả? Nhận biết được câu văn miêu tả trong truyện Chú Đất Nung (BT1). Bước đầu viết được 1,2 câu miêu tả một trong những hình ảnh yêu thích trong bài thơ mưa (BT2)

- Rèn kĩ năng sử dụng từ ngữ, hình ảnh trong câu văn, bài văn.

- Giáo dục hs có ý thức học TLV, phát huy khả năng sáng tạo khi viết văn

II- Đồ dùng dạy học:

- 4, 5 tờ phiếu phô tô phóng to nội dung bài tập 2 (phần Nhận xét)

III- Các hoạt động dạy học:

A. Kiểm tra bài cũ:

- Gọi 1 hs kể lại một câu chuyện theo đề bài của tiết trước.

- YC lớp theo dõi và cho biết bạn mở đầu và kết thúc câu chuyện theo cách nào?

- GV nhận xét

B. Bài mới:

1. Giới thiệu bài:

2. Nội dung:

Hoạt động 1: Phần nhận xét

Bài 1:

- Gọi hs đọc yêu cầu và nội dung

- YC tìm những sự vật được miêu tả trong bài

- Gọi hs phát biểu ý kiến

Chốt: Các sự vật được miêu tả là: Cây sồi, cây com nguội, lạch nước

Bài 2:

- GV phát phiếu và bút cho các nhóm 4 yêu cầu hs trao đổi và hoàn thành

- Gọi nhóm nào xong trước dán phiếu và trình bày bài

- GV nhận xét chốt lời giải đúng

Tên sự vật	Hình dáng	Màu sắc	Chuyển động	Tiếng động
Cây sồi	cao lớn	lá đỏ chói lọi	lá rập rình lay động như những đốm lửa đỏ	
Cây com nguội		lá vàng rực rỡ	lá rập rình lay động như những đốm lửa vàng	
Lạch nước			Trườn lên mây tảng đá luồn dưới mây góc cây ầm mục	róc rách

Bài 3:

- Yêu cầu hs suy nghĩ và TLCH

- Đề tả được hình dáng của cây sồi, màu sắc của lá

- 1 HS đọc to cả lớp nghe và cùng đọc thầm đoạn văn.

- HS tự gạch bằng bút chì vào SGK và nêu

- *HS đọc yêu cầu của bài, đọc các cột theo chiều ngang.*

- *HS làm việc theo nhóm 4*

- *Đại diện mỗi nhóm dán lên bảng, trình bày.*

- *1, 2 HS đọc lại kết quả trên bảng.*

- *HS nêu: dùng mắt để nhìn*

- *Nhờ tai để nghe*

- *Quan sát kĩ đối tượng bằng*

sồi và lá cây com nguội, tác giả phải dùng giác quan nào để quan sát?

- Để tả được chuyển động của lá cây, lạch nước, tác giả phải dùng giác quan nào?
- Nhờ giác quan nào tác giả biết được nước chảy róc rách ?
- Vậy muốn miêu tả sự vật, người viết phải làm gì?

Hoạt động 2: Ghi nhớ

- Gọi hs đọc phần ghi nhớ trong SGK
- Gọi hs đặt một câu văn miêu tả đơn giản
- Nhận xét, đánh giá

Hoạt động 3: Luyện tập

Bài 1:

- Yêu cầu hs tự làm bài: Tìm những câu văn miêu tả trong truyện.
- Gọi hs phát biểu
- GV + HS nghe - nhận xét , bổ sung

Bài 2:

- Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung.
- Yêu cầu HS quan sát tranh minh họa và giảng: Hình ảnh sự vật trong cơn mưa được Trần Đăng Khoa tạo nên rất sinh động và hay. Phải có con mắt tinh tế khi nhìn sự vật mới miêu tả được như vậy. Chúng mình cùng thi xem lớp ta ai sẽ viết được những câu văn miêu tả sinh động nhất.
- + Trong bài thơ *Mưa*, em thích hình ảnh nào?

- GV yêu cầu HS ghi lại hình ảnh đó và viết 1,2 câu tả lại hình ảnh đó.
- Gọi hs nêu câu vừa viết, cả lớp nhận xét.
- Gọi HS đọc bài viết của mình. Nhận xét, sửa lỗi dùng từ, diễn đạt cho từng HS
- VD: *Cây dừa ngoài ngõ oằn mình theo chiều gió. Lá dừa như những cánh tay người đang sải bơi giữa dòng nước trắng xóa, mênh mông.*
- + *Sấm rền vang rồi bỗng nhiên “đùng đùng, đoàng đoàng” làm cho mọi người giật nảy mình,*

nhiều giác quan.

- 1 HS đọc thành tiếng. Cả lớp đọc thầm.

- HS đọc truyện và tìm cá nhân.

- Nêu kết quả :

Đó là một chàng kị sĩ rất bảnh, cưỡi ngựa tía, dây cương vàng và một nàng công chúa mặt trắng, ngồi trong mái lầu son.

- 1 HS đọc thành tiếng.

- Lắng nghe.

+ Em thích hình ảnh:

- Sấm ghé xuống sân, khanh khách cười.
- Cây dừa sải tay bơi.
- Ngọn mừng tơ nhảy múa.
- Khắp nơi toàn màu trắng của nước.
- Bỏ bạn nhỏ đi cày về...

- Tự viết bài.

- Đọc bài văn của mình trước lớp.

tưởng như sấm đang ở ngoài sân, cất tiếng cười khanh khách.

+ Gió thổi rất mạnh làm cả vườn mía nghiêng ngả. Lá mía vung lên quất xuống chẳng khác gì một rừng lưỡi gươm đang múa .

- Nhận xét, khen.

3. **Củng cố, dặn dò:**

- Thế nào là miêu tả?

- Nhận xét tiết học

- Nhắc học sinh ôn lại bài và ghi lại 1, 2 câu văn miêu tả một sự vật mà em quan sát được trên đường đi học.

Tiết 3: **Địa lí**

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA NGƯỜI DÂN Ở ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

I. Mục tiêu:

- Nêu được một số hoạt động sản xuất chủ yếu của người dân ở đồng bằng Bắc Bộ:

+ Trồng lúa, là vụ lúa lớn thứ hai của cả nước.

+ Trồng nhiều ngô, khoai, cây ăn quả, rau xứ lạnh, nuôi nhiều lợn và gia cầm.

Nêu thứ tự các công việc cần phải làm trong quá trình sản xuất lúa gạo.

- Nhận xét nhiệt độ của Hà Nội: tháng lạnh, tháng 1, 2, 3 nhiệt độ dưới 20 °C, từ đó biết đồng bằng Bắc Bộ có mùa đông lạnh.

- GD BVMT: Để cải tạo với môi trường , về mùa đông người dân ĐBBB đã trồng rau quả xứ lạnh, mang lại hiệu quả kinh tế cao, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên.

II. Chuẩn bị:

- Tranh ảnh về trồng trọt, chăn nuôi, nghề thủ công, chợ phiên ở đồng bằng BBộ.

III. Các hoạt động dạy học:

A. Bài cũ: Người dân ở đồng bằng Bắc Bộ.

-Nêu những đặc điểm về nhà ở, làng xóm của người dân ở đồng bằng Bắc Bộ.

-Mức độ tập trung dân số cao ảnh hưởng như thế nào tới môi trường?

-Lễ hội của người dân đồng bằng Bắc Bộ được tổ chức vào thời gian nào? Nhằm mục đích gì?

-GV nhận xét, tuyên dương HS

B. Bài mới:

1.Giới thiệu bài:

2.Nội dung bài

HD 1: Vụ lúa lớn thứ hai của cả nước

Bước 1:

- YC hs dựa vào tranh, ảnh, SGK và vốn hiểu biết TLCH:

- ĐBBB có những thuận lợi nào để trở thành vụ lúa lớn thứ hai của đất nước?

-Nêu tên các công việc cần phải làm trong quá trình sản xuất lúa gạo, từ đó em rút ra

Làm việc cá nhân

- HS đọc SGK và trả lời câu hỏi của GV

- HS thảo luận

- HS nêu : Đất phù sa màu mỡ, nguồn nước dồi dào, người dân có kinh nghiệm trồng lúa.

nhận xét gì về việc trồng lúa gạo của người nông dân.

- Nxét về việc trồng lúa gạo của người dân.

Bước 2:

- Gọi hs trình bày kết quả

Bước 3:

- YC dựa vào SGK, tranh , ảnh nêu tên các cây trồng, vật nuôi khác của ĐBBB?

- Dựa vào tranh ảnh và giải thích tại sao nơi đây nuôi nhiều lợn , gà vịt?

Chốt: nguyên nhân giúp cho ĐBBB nuôi nhiều lợn, gà, có sẵn lúa gạo..

Hoạt động 2: Vùng trồng nhiều rau xứ lạnh

Bước 1:

- YC dựa vào SGK thảo luận theo gợi ý:

+ Mùa đông ở ĐBBB dài bao nhiêu tháng? Khi đó nhiệt độ ntn?

- Quan sát bảng số liệu và TLCH

+ Nhiệt độ mùa đông thấp thuận lợi và khó khăn gì cho sản xuất nông nghiệp?

- Kể tên các loại rau xứ lạnh trồng ĐBBB.

-GV yêu cầu nêu tên các vật nuôi khác của đồng bằng Bắc Bộ

Bước 2:

- Gọi các nhóm trình bày kết quả nhóm khác bổ sung.

Chốt: Hiểu được thuận lợi và khó khăn khi trồng lúa , ngô và rau ở nhiệt độ thấp.

GDBVMT: Vì nơi đây có rất nhiều thuận lợi phát triển nên người dân tập trung về đây sinh sống rất nhiều làm tăng mật độ dân số nên người dân ở đây cần có những việc làm phù hợp để góp phần BVMT, góp phần bảo vệ môi trường không khí , đất , nước. Sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên.

3. Củng cố, dặn dò:- Nêu một số đặc điểm tiêu biểu về hoạt động trồng trọt và chăn nuôi của người dân ở ĐBBB.

- Làm đất, gieo mạ, nhổ mạ, cấy lúa, chăm sóc lúa, gặt lúa, tuốt lúa, phơi lúa.

- HS nêu.....

- HS trình bày trước lớp

Làm việc cả lớp

- HS nêu: lợn, gà, vịt,... ngô, khoai, sắn, ..

- Sẵn nguồn thức ăn

Làm việc theo nhóm

- HS nêu: 3 tháng, nhiệt độ thấp

+Thuận lợi: trồng thêm cây vụ đông: ngô, khoai, su hào, bắp cải, cà chua...

+Khó khăn: nếu rét quá lúa và cây bị chết.

-HS dựa vào SGK, tranh ảnh nêu tên các cây trồng, vật nuôi khác của đồng bằng Bắc Bộ.

+ ĐBBB trồng đều các loại rau xứ lạnh như: bắp cải, hoa súp lơ, xà lách, cà rốt...

+ Một số vật nuôi ở ĐBBB là lợn, gà, vịt ...

- Nhóm trình bày kết quả TL

GDBVMT: Đề làm giảm mật độ dân số ở đây ta cần giảm tỷ lệ sinh , hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, xử lí các chất thải công nghiệp , các chất thải sinh hoạt để BVMT.

- Nhận xét giờ học. Nhắc hs ôn lại bài. Đọc và TLCH bài sau: *Hoạt động sản xuất của người dân ở ĐBBB (tiếp)*

Tiết 4: **Thể dục** (GVC)

Buổi chiều:

Tiết 1: **Tin học** (GVC)

Tiết 2: **Tiếng Anh** (GVC)

Tiết 3: **Toán***

LT: NHÂN VỚI SỐ CÓ 3 CHỮ SỐ (tt)

I. **Mục tiêu:** Tiếp tục củng cố cho HS:

- Cách thực hiện Nhân với số có ba chữ số.
- áp dụng để giải các bài toán có liên quan
- Biết ứng dụng vào thực tế.

II. Các hoạt động dạy- học

Hoạt động của thầy

1. Giới thiệu bài (1phút)

2. Hướng dẫn luyện tập (35 phút)

- Yêu cầu HS hoàn thành các bài tập sau:

Bài 1: Đặt tính rồi tính

a. 246×158

641×537

432×264

1437×422

Bài 2: Viết giá trị của biểu thức vào ô trống:

m	345	660	378	554
$m \times 256$				

Bài 3: Tính

a. $234 \times 123 + 4567$

b. 135790

324×205

Bài 4:

Tính diện tích một khu đất hình vuông có cạnh dài 105m.

- Gọi HS lên bảng chữa bài.

- GV chấm, chữa bài

3. Củng cố - dặn dò. (3phút)

- Nhận xét tiết học.

- Về nhà ôn lại bài.

Hoạt động của trò

- HS làm vở lần lượt tất cả các bài tập.

- HS chữa bài, nhận xét.

Thứ 6 ngày 9 tháng 12 năm 2022

Tiết 1: **Toán****CHIA MỘT TÍCH CHO MỘT SỐ****I. Mục tiêu :**

- Thực hiện được phép chia một tích cho một số.
- Rèn kỹ năng làm tính, vận dụng phép chia 1 tích cho 1 số.
- Giáo dục hs say mê học toán, cẩn thận khi làm bài

II. Đồ dùng dạy học:

- GV: Phần màu
- HS: Vở ghi, bảng con

III. Các hoạt động dạy học**A. Kiểm tra bài cũ:** Một số chia cho một tích.

- GV yêu cầu HS lên bảng làm bài

2 HS lên bảng làm bài, lớp làm nháp.

$$150 : 50 = 150 : (5 \times 1)$$

$$= 150 : 50 = 3$$

$$= 30 : 10 = 3$$

$$80 : 16 = 80 : (8 \times 2)$$

$$= 80 : 8 : 2 = 10 : 2 = 5$$

-HS nêu.

- GV nhận xét, tuyên dương

-GV yêu cầu HS nêu tính chất chia một số cho một tích.

-Nhận xét chung phần bài cũ.

B. Bài mới:

Hoạt động 1: Hướng dẫn trường hợp cả hai thừa số chia hết cho số chia.

-GV ghi bảng: $(9 \times 15) : 3$

$$9 \times (15 : 3)$$

$$(9 : 3) \times 15$$

-Yêu cầu HS tính

HS tính.

HS nêu nhận xét.

$$(9 \times 15) : 3 = 135 : 3 = 45$$

$$9 \times (15 : 3) = 9 \times 5 = 45$$

$$(9 : 3) \times 15 = 3 \times 15 = 45$$

Nhận xét: $(9 \times 15) : 3 = 9 \times (15 : 3) = (9 : 3) \times 15$

-Yêu cầu HS so sánh các kết quả & rút ra nhận xét.

+ Giá trị của ba biểu thức bằng nhau.

+ Khi tính $(9 \times 15) : 3$ ta nhân rồi chia, ta có thể nói là đã lấy tích chia cho số chia.

+ Khi tính $9 \times (15 : 3)$ hay $(9 : 3) \times 15$ ta chia một thừa số cho 3 rồi nhân với thừa số kia.

Từ nhận xét trên, rút ra tính chất: Khi chia một tích cho một số ta có thể lấy một thừa số chia cho số đó rồi nhân kết quả với thừa số kia.

Hoạt động 2: Hướng dẫn HS trường hợp thừa số thứ nhất không chia hết cho số chia.

-GV ghi bảng: $(7 \times 15) : 3$

-Vài HS nhắc lại.

$$7 \times (15 : 3)$$

- Yêu cầu HS tính
- Yêu cầu HS so sánh các kết quả & rút ra nhận xét.
- GV hỏi: Vì sao ta không tính $(7 : 3) \times 15$?

Hoạt động 3: Hướng dẫn HS trường hợp thừa số thứ hai không chia hết cho số chia.

Hướng dẫn tương tự như trên.

- HS tính.
- HS nêu nhận xét: Giá trị của hai biểu thức bằng nhau.
- Vì thừa số thứ nhất không chia hết cho số chia.
- HS nhắc lại tính chất chia một tích cho một số.

Hoạt động 2: Luyện tập

Bài 1:

- Gọi hs nêu yêu cầu
 - YC hs thực hiện theo 2 cách
 - Em đã thực hiện tính chất gì để thực hiện tính giá trị biểu thức bằng 2 cách. Hãy nêu tính chất đó.
 - Vì sao em thực hiện được hai cách đó?
 - NX - bổ sung
- Chốt cách tính bằng hai cách dạng một tích chia cho một số.*

- HS đọc bài, nêu cách làm.
 - Tính chất chia một số cho một tích
 - HS làm bảng, dưới lớp làm giấy nháp
- a. $(8 \times 23) : 4$
 C 1: $(8 \times 23) : 4 = (8 : 4) \times 23 = 2 \times 23 = 46$
 C2: $(8 \times 23) : 4 = 184 : 4 = 46$.
- b. $(15 \times 24) : 6$
 C1: $(15 \times 24) : 6 = 360 : 6 = 60$
 C2: $(15 \times 24) : 6 = (24 : 6) \times 15 = 4 \times 15 = 60$

Bài 2:

- Gọi hs nêu yêu cầu của bài
 - Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?
 - Cách nào thuận tiện nhất?
 - Vì sao cách 2 làm thuận tiện hơn cách 1.
- Chốt cách tính thuận tiện nhất*

- HS nêu yêu cầu
- HS nêu cách 2 vì:
 $25 \times (36 : 9) = 25 \times 4 = 100$
- HS giải thích

Bài 3:

- Yêu cầu hs đọc đề , tóm tắt và giải bài toán.
 - Gọi đọc yêu cầu của bài toán.
 - Yêu cầu tóm tắt bài toán.
 - Cửa hàng có bao nhiêu mét vải?
 - Cửa hàng đã bán được bao nhiêu phần số vải đó?
 - Vậy cửa hàng đã bán được bao nhiêu mét vải?
 - NX - Kết luận lời giải đúng
- Chốt cách giải bài toán có lời văn*

- HS đọc đề bài, phân tích yêu cầu bài.
- Có tất cả là $30 \times 5 = 150$ m vải.
- Đã bán được $\frac{1}{5}$ số mét vải đó.
- Bán được $150 : 5 = 30$ mét vải.
- Tóm tắt bài toán. Lập kế hoạch bài giải
- Trình bày bài giải.
- Cách 1 :
 +B1: Tính số mét vải cửa hàng có.
 +B1: Tính số mét vải cửa hàng đã bán
- Cách 2:

+B1: Tính số tấm vải của hàng bán được
+B2: Tính số mét vải của hàng bán được.

3. **Củng cố, dặn dò**

- GV yêu cầu HS nêu tính chất chia một tích 2 thừa số cho 1 số.
- GV giáo dục HS ham thích học toán.
- Dặn HS về học bài, xem lại các bài tập.
- Chuẩn bị bài: *Chia hai số có tận cùng bằng các chữ số 0.*

Tiết 2: **Luyện từ và câu**

DÙNG CÂU HỎI VÀO MỤC ĐÍCH KHÁC

I. Mục tiêu:

- Biết được một số tác dụng phụ của câu hỏi
- Nhận biết được tác dụng của câu hỏi (BT 1). Bước đầu biết dùng câu hỏi để thể hiện thái độ khen, chê, sự khẳng định, phủ định hoặc yêu cầu, mong muốn trong những tình huống cụ thể (BT2).
- Giáo dục HS có ý thức sử dụng đúng câu hỏi trong giao tiếp và trong viết câu văn
- GDKNS: Giao tiếp: thể hiện thái độ lịch sự trong giao tiếp; Lắng nghe tích cực.

II. Đồ dùng dạy - học:

- GV: Bảng phụ viết nội dung BT1

III. Các hoạt động dạy - học:

A. Kiểm tra bài cũ:

- YC HS viết 1 câu hỏi, 1 câu dùng từ nghi vấn nhưng không phải là câu hỏi
- Câu hỏi dùng để làm gì? Nêu ví dụ
- HS trả lời. HS khác nhận xét bổ sung
- GV nhận xét.

B. Bài mới:

1. Giới thiệu bài :

2. Nội dung:

Hoạt động 1: Phân nhận xét

Thảo luận nhóm/Trình bày 1 phút

Bài 1:

- GV treo bảng phụ gọi HS đọc đoạn đối thoại và tìm câu hỏi trong đoạn đối thoại giữa ông Rằm với chú bé Đất trong truyện Chú Đất Nung (phần 1).

- Gọi HS đọc câu hỏi

GV nhận xét, chốt kết quả đúng:

+ *Sao chú mày nhát thế?*

+ *Nung đây ạ?*

+ *Chứ sao?*

Bài 2

- Các câu hỏi của ông Hòn Rằm có dùng để hỏi về điều chưa biết không? Nếu không chúng được

- 3 HS đọc yêu cầu bài.

- Thảo luận nhóm đôi.

Trình bày KQ:

+ Sao chú mày nhát thế?

+ Nung đây ạ?

+ Chứ sao?

- Hai câu hỏi đều không phải dùng để hỏi điều chưa biết.

dùng để làm gì?

- Câu “sao chú mày nhất thế?” ông Hòn Rằm hỏi với ý gì?

- Câu “chứ sao?” ông Hòn Rằm không dùng để hỏi. Vậy câu hỏi này có tác dụng gì?

Chốt: Có những câu hỏi không dùng để hỏi mà để thể hiện thái độ khen, chê. Sự khẳng định, phủ định một điều gì đó

Bài 3:

- Gọi hs đọc nội dung.

- YC thảo luận và TLCH

- Gọi hs trả lời và bổ sung.

- Ngoài tác dụng để hỏi câu hỏi còn dùng để làm gì?

Hoạt động 2: Phần ghi nhớ

- Gọi hs đọc phần ghi nhớ

- YC hs đặt câu biểu thị một số tác dụng khác của câu hỏi

- Nhận xét tuyên dương

Hoạt động 3: Phần luyện tập

Bài 1:

- Gọi hs đọc yêu cầu

- YC hs tự làm bài

- Gọi hs phát biểu, hs khác bổ sung

- GV chốt lại :

a) Nhằm yêu cầu, mong muốn

b) Nhằm nói về thái độ khen, chê

c) Nhằm nói thái độ khen chê

d) Nhằm yêu cầu, mong muốn

Chốt: Mỗi câu hỏi đều diễn đạt một ý nghĩa khác nhau. Trong khi nói, viết cần sử dụng linh hoạt để lời nói, câu văn thêm hay.

Bài 2 :

Chúng dùng để nói chê Cu Đất.

- Hỏi như vậy là chê Cu Đất nhất.

- Là câu ông muốn khẳng định đất có thể nung trong lửa.

- Học sinh đọc.

- Học sinh cùng trao đổi.

- Câu hỏi: “Cháu có thể nói nhỏ hơn không?”. Không dùng để hỏi mà yêu cầu các cháu nói nhỏ hơn.

- Để thể hiện thái độ khen, chê, khẳng định, phủ định hay yêu cầu, đề nghị một điều gì đó.

- 2 HS đọc

- Đọc câu mình đặt

+ Em bé ngoan quá nhỉ?

+ Cậu cho tớ mượn bút được không?

+Bạn có làm bài đi không?

- Nhận xét, bổ sung.

- HS tự làm bài vào VBT

- 1 số HS nêu ý kiến. HS khác TL

- Học sinh đọc tiếp nối từng câu, trao đổi và trả lời câu hỏi.

a) Câu hỏi của người mẹ được dùng để yêu cầu con nín khóc.

b) Câu hỏi được bạn dùng để thể hiện ý chê trách.

c) Câu hỏi của người chị được dùng để thể hiện ý chê em vẽ ngựa không giống.

d) Câu hỏi của bà cụ dùng để thể hiện yêu cầu, nhờ cậy giúp đỡ.

- HS nghe

- Yêu cầu nhóm trưởng lên bốc thăm tình huống
- Yêu cầu hs hoạt động nhóm
- Gọi đại diện mỗi nhóm phát biểu
- Nhận xét kết luận câu trả lời đúng .

Chốt: Cách dùng câu hỏi phù hợp với từng tình huống

Bài 3:

- Gọi học sinh đọc yêu cầu và nội dung.
- Yêu cầu hs tự làm bài, nêu được một vài tình huống có thể dùng câu hỏi vào mục đích khác .
- + Tổ thái độ khen, chê :

+ Khẳng định , phủ định

+ Thể hiện yêu cầu , mong muốn :

- Gọi hs phát biểu ý kiến.
- Nhận xét , tuyên dương HS có tình huống hay .

Chốt cách đặt câu hỏi theo tình huống .

3. Củng cố, dặn dò:

- Ngoài tác dụng để hỏi câu hỏi còn dùng làm gì?
- Nhận xét tiết học
- Nhắc hs về ôn lại bài, đọc và chuẩn bị bài sau: *MRVT đồ chơi*

- HS bốc thăm tình huống
- HS hoạt động nhóm đôi
- Đại diện mỗi nhóm phát biểu .

- Nêu yêu cầu : Đặt câu phù hợp với các tình huống

Ví dụ về câu hỏi:

Bạn có thể chờ hết giờ sinh hoạt, chúng mình cùng nói chuyện được không?

Sao nhà bạn sạch sẽ, ngăn nắp thế?

Bài toán không khó nhưng mình làm phép nhân sai. Sao mà mình lại lú lẫm thế nhỉ?

- Chơi đùa cũng thích chứ?

- 1 HS đọc thành tiếng.

- Suy nghĩ tình huống.

- Đọc tình huống của mình.

- Em bé đi mẫu giáo được phiếu Bé ngoan . Em khen em bé bằng câu hỏi : Sao em bé ngoan thế nhỉ ?

- Một bạn chỉ thích học ngoại ngữ Tiếng Anh . Em nói với bạn Tiếng Pháp cũng hay chứ ?

- Cậu em nghịch ngợm trong lúc chị đang chăm chú học bài. Chị nói với em: Em có thể ra ngoài chơi cho chị học bài được không ?

Tiết 3: Tập làm văn

TẠO BÀI VĂN MIÊU TẢ ĐỒ VẬT

I. Mục tiêu :

- Nắm được cấu tạo bài văn miêu tả đồ vật , các kiểu bài mở bài , kết bài, trình tự miêu tả trong phần thân bài
- Biết vận dụng kiến thức đã học để viết mở bài, kết bài cho một bài văn miêu tả cái trống trường.

- Giáo dục hs ý thức đọc sách, góp phần phát huy khả năng sáng tạo của hs

II. Đồ dùng dạy học:

- Bảng phụ viết sẵn dàn ý của bài tập 2 (phần luyện tập)

III. Các hoạt động dạy học:

A. Kiểm tra bài cũ:

- Gọi 2 hs viết câu văn miêu tả sự vật mình quan sát được
- Gọi hs nêu: Thế nào là miêu tả?
- Nhận xét.
- Kiểm tra việc chuẩn bị bài của hs

B. Bài mới:

1. Giới thiệu bài:

2. Nội dung:

Hoạt động 1: Hướng dẫn tìm hiểu bài

Bài 1:

- Yêu cầu hs đọc bài văn
- GV giải nghĩa một số từ khó
- Bài văn tả cái gì?
- Tìm các phần mở bài và kết bài. Mỗi phần ấy nói điều gì?
- + Phần mở bài:
- Giới thiệu cái cối - đồ vật được miêu tả
- + Phần kết bài: Nêu kết thúc của bài - tình cảm thân thiết giữa các đồ vật trong nhà với bạn nhỏ)
- Các phần mở bài và kết bài đó giống với những cách mở bài, kết bài nào mà các em đã học .
- Phần thân bài tả cái cối xay theo thứ tự nào?

- Tìm thêm những hình ảnh so sánh , nhân hoá trong bài.
- GV chốt các phần dàn ý của bài văn miêu tả đồ vật trên

Bài 2:

- Khi tả một đồ vật , ta cần tả những gì?
- GV nhận xét - chốt (Cho hs đọc dàn ý trên bảng phụ)

Khi tả 1 đồ vật, chúng ta cần tả bao quát toàn bộ đồ vật, sau đó đi vào tả những bộ phận có đặc điểm nổi bật, kết hợp thể hiện tình cảm với đồ vật.

Ghi nhớ

- Gọi hs đọc ghi nhớ trong SGK

- HS đọc phần y/c và nội dung của bài

- Cái cối xay gạo bằng tre

- HS trả lời câu hỏi.

- Cái cối xinh xinh xuất hiện như một giấc mộng, ngồi trầm trệ giữa gian nhà trống

- Cái cối xay cũng như các đồ dùng đã sống cùng tôi...theo dõi từng bước anh đi

- Phần mở bài theo kiểu trực tiếp, kết bài theo lối mở rộng

- Tả hình dáng theo trình tự từ bộ phận lớn đến bộ phận nhỏ, từ ngoài vào trong, từ chính đến phụ. Sau đó, đi vào tả công dụng của cái cối.

- HS nêu cá nhân

- HS nhắc lại

- 3 hs đọc phần ghi nhớ

Hoạt động 2: Luyện tập

- Gọi hs đọc nội dung và yêu cầu.
- YC thảo luận theo nhóm 2 và TLCH
- + Tìm câu văn tả bao quát cái trống
- + Nêu tên những bộ phận của cái trống được miêu tả?
- + Tìm những từ ngữ tả hình dáng, âm thanh của cái trống
- Yêu cầu viết thêm phần mở bài và kết bài để hoàn thiện bài văn hoàn chỉnh.
- Gv quan sát giúp đỡ HS còn lúng túng.

- HS đọc bài tập SGK
- HS thảo luận nhóm
- Anh chàng trống này tròn như cái chum, lúc nào cũng chễm chệ trên một cái giá gỗ kê ở trước phòng bảo vệ.
- Minh trống, lưng trống, hai đầu trống.
- Tròn như cái chum, tiếng trống ồm ồm giục giã....
- HS làm bài tập vào vở BT
- HS trình bày bài trước lớp
- Nhận xét - bổ sung

3. Củng cố, dặn dò

- Khi viết bài văn miêu tả cần chú ý điều gì?
- Nhận xét tiết học
- Dặn hs về viết lại đoạn mở bài, kết bài và đọc trước bài sau: *LT miêu tả đồ vật*.

Tiết 4: **Khoa học**
BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC

I. Mục tiêu:

- Nêu được một số biện pháp bảo vệ nguồn nước:
- + Phải vệ sinh xung quanh nguồn nước.
- + Làm nhà tiêu tự hoại xa nguồn nước.
- + Xử lý nước thải bảo vệ hệ thống thoát nước thải,...
- Thực hiện bảo vệ nguồn nước.
- Có ý thức bảo vệ nguồn nước và tuyên truyền nhắc nhở mọi người cùng thực hiện. GDBVM: HS có ý thức bảo vệ nguồn nước nhằm bảo vệ môi trường thiên nhiên. GDSDNLTK&HQ: HS biết những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ nguồn nước. GDKNS: Kỹ năng bình luận, đánh giá về việc sử dụng và bảo vệ nguồn nước. Trình bày thông tin về việc bảo vệ nguồn nước.
- GT: Không YC tất cả HS vẽ tranh cổ động. GV HD động viên KK để những em có khả năng tham gia vẽ tranh triển lãm.

II. Đồ dùng dạy học:

- Hình trang 58, 59 SGK.
- Giấy A₀ cho các nhóm, bút màu mỗi nhóm.

III. Các hoạt động dạy- học chủ yếu:**A. Bài cũ:**

- Có những cách làm sạch nước nào? Tác dụng của mỗi cách.
- Tại sao ta phải đun sôi nước trước khi uống?
- Nhận xét chung

B. Bài mới:**1. Giới thiệu bài:****2. Nội dung:**

Hoạt động 1: Tìm hiểu những biện pháp bảo vệ nguồn nước

Mục tiêu: Nêu được những việc nên và không nên làm để bảo vệ nguồn nước

Cách tiến hành:

Bước 1: Làm việc theo cặp

- YC hs quan sát các hình và TLCH trang 58

Bước 2: Làm việc cả lớp

- GV gọi một số hs trình bày kết quả làm việc theo cặp

+ Nêu những việc không nên làm để bảo vệ nguồn nước.

+ Những việc nên làm để bảo vệ nguồn nước.

GDKNS: Nước rất cần thiết trong đời sống sinh hoạt của con người, động vật, thực vật,... vì vậy chúng ta phải biết bảo vệ nguồn nước luôn được sạch.

GDSDNLTK&HQ: Không những chúng ta biết bảo vệ nguồn nước mà còn phải biết tiết kiệm nước để mọi người đều có nước sạch dùng .

Chốt: Để bảo vệ nguồn nước cần:

+ Phải vệ sinh xung quanh nguồn nước.

+ Không đục phá ống nước làm cho chất bẩn thấm vào nguồn nước

+ Làm nhà tiêu tự hoại xa nguồn nước.

+ Xử lý nước thải bảo vệ hệ thống thoát nước thải.

- HS thực hiện theo yêu cầu

- HS trình bày kết quả

- HS nêu

- HS trả lời

Hoạt động 2: Đóng vai vận động mọi người trong gia đình bảo vệ nguồn nước.

Mục tiêu: Bản thân hs cam kết tham gia bảo vệ nguồn nước và tuyên truyền, cổ động người khác cùng bảo vệ nguồn nước.

Cách tiến hành: Tổ chức theo nhóm 4.

- Gv chia nhóm 4

- Nhiệm vụ : Xây dựng bản cam kết bảo vệ nguồn nước.

Tìm nội dung đóng vai tuyên truyền cổ động mọi người cùng bảo vệ nguồn nước.

- Trình bày:

- Gv nx, tuyên dương các nhóm có sáng kiến hay nhập vai tốt.

Giới thiệu: Xây dựng nhà tiêu 2 ngăn, nhà tiêu đào cải tiến, cải tạo và bảo vệ hệ thống nước thải sinh hoạt, công nghiệp, nước mưa, ... là công việc làm lâu dài để bảo vệ nguồn nước.

GV hướng dẫn, động viên khuyến khích để HS vẽ tranh cổ động

- GV nhận xét đánh giá

- Hs hoạt động nhóm.

- Thảo luận để tìm nội dung.

- Tập đóng vai.

- Các nhóm đóng vai. Lớp trao đổi theo các vai.

HS nghe, ghi nhớ

- KKHS vẽ tranh cổ động

3. Củng cố, dặn dò:

- Nêu một số biện pháp để bảo vệ nguồn nước.

- Nhận xét tiết học. Nhắc hs thực hiện bảo vệ nguồn nước ở nhà, ở trường; Tìm hiểu các cách tiết kiệm nước.

Buổi chiều:

Tiết 1: Tiếng Việt*
LUYỆN TẬP: TÍNH TỪ

I. Mục tiêu:

- Củng cố, hệ thống và mở rộng kiến thức về tính từ (là từ chỉ đặc điểm hoặc tính chất của sự vật hoạt động, trạng thái,...); một số cách thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất.
- Tìm được các tính từ trong đoạn văn; một số từ ngữ biểu thị mức độ của đặc điểm, tính chất. Viết đoạn văn có tính từ.
- GD hs ý thức sử dụng từ khi đặt câu, cảm nhận được cái hay cái đẹp của tính từ.

II. Đồ dùng dạy học:

- GV: Bảng phụ (BT2) Hệ thống bài tập cho học sinh
- HS: Ôn lại các kiến thức

III. Các hoạt động dạy học:

Hoạt động 1: Ôn kiến thức lí thuyết

- Yêu cầu hs thực hiện hỏi đáp nội dung bài đã học:
 - + Thế nào là tính từ? Nêu ví dụ.
 - + Tìm từ ngữ biểu thị mức độ của một số tính từ vừa nêu.
 - + Đặt câu với một tính từ vừa nêu.
- GV nhận xét chung.

Chốt: về tính từ (là từ chỉ đặc điểm hoặc tính chất của sự vật hoạt động, trạng thái,...); một số cách thể hiện mức độ của đặc điểm , tính chất

- HS thực hiện theo yêu cầu.
- Lần lượt từng học sinh trả lời.

Hoạt động 2: Thực hành

Bài 1: Xếp các từ sau vào hai nhóm

- a. Tính từ
- b. Không phải là tính từ.

Ngoan ngoan, đi đứng, thông minh, giỏi giang, mặt trời, ngọt ngào, chạy nhảy, xe máy, nghĩ ngợi, đẹp đẽ, xanh tươi

- Dựa vào khái niệm để tìm tính từ
- Gv yêu cầu hs nhận xét , nêu kết quả.
- Vì sao các từ: đi đứng, mặt trời, chạy nhảy, xe máy, nghĩ ngợi không phải là TT
- Đặt câu với một số tính từ nêu trên.
- GV chốt khái niệm về tính từ và sự khác nhau giữa tính từ và danh từ, động từ.

Bài 2: Gạch dưới các tính từ trong đoạn văn sau:

Những mảnh vườn trở lên mướt mát trong màu lá tươi non. Cây đào cổ thụ, lá thon dài, nhỏ nhỏ như những chiếc thuyền xanh tí hon, như những con mắt lá rằm cô gái lay động trong mưa bay như giục những

- HS đọc bài tập 1
- HS nêu yêu cầu
- HS tự làm bài cá nhân
- HS trình bày bài trước lớp
- KK HS giải thích và nêu những từ còn lại thuộc từ loại nào.
- HS đọc bài tập 2
- HS nêu yêu cầu
- HS tự làm bài cá nhân

nụ hoa li ti mau nở ra những bông hoa phớt hồng năm cánh có cái nhụy vàng mỏng manh để hứng lấy những sợi mưa dai và những sợi chỉ từ trời thả xuống, nhưng chỉ cảm thấy tê tê trên da thịt chứ mắt thường không nhận thấy.

- Yêu cầu hs làm bảng lớp, lớp ghi vào nháp

- Gọi hs nhận xét, chốt đáp án đúng.

Các từ: mượt mát, tươi non, thon dài, nhỏ nhỏ, xanh, tí hon, li ti, phớt hồng, vàng, mỏng manh, dai

Chốt: xác định tính từ trong đoạn văn

Bài 3: Tạo ra các từ chỉ mức độ bằng các cách sau và ghi lại.

	xanh	đỏ	vàng
Từ láy chỉ mức độ giảm nhẹ			
Từ ghép chỉ mức độ tăng			

- Gọi hs chữa bài.

- Đặt câu với một số từ vừa tìm.

Chốt: Một số cách thể hiện mức độ của đặc điểm tính chất.

Bài 4: Hãy viết đoạn văn khoảng 5 câu nói về đồ vật mà em yêu thích trong đó có sử dụng tính từ .

-HS viết bài vào vở.

-Gv quan sát, giúp đỡ HS còn lúng túng.

- Gọi hs đọc bài của mình

- GV nhận xét.

Chốt: Vận dụng tính từ viết đoạn văn nói về đồ vật tạo cho đoạn văn có hình ảnh.

3. **Củng cố , dặn dò**

-Thế nào là tính từ? Tìm từ chỉ mức độ của màu trắng. Đặt câu với một tính từ vừa tìm.

- GV tóm tắt nội dung luyện tập .

- Nhận xét tiết học, về nhà ôn lại kiến thức đã học về tính từ.

- Chữa bài, nhận xét

- HS đọc nội dung bài

- Tìm từ theo yêu cầu

-Thảo luận trong nhóm đôi.

- Nêu trước lớp

+ Từ láy chỉ mức độ giảm nhẹ: xanh xanh, đỏ đỏ, vàng vàng.....

+ Từ ghép chỉ mức độ tăng: xanh thẫm, đỏ chót, vàng xuộm.

-HS đọc và xác định yêu cầu của bài.

- HS viết đoạn văn vào vở.

- HS đọc câu, đoạn văn của mình và chỉ ra tính từ trong đoạn văn.

-Lớp nhận xét

Tiết 2: **Lịch sử**

NHÀ TRẦN THÀNH LẬP

I. Mục tiêu:

- Biết rằng sau nhà Lý là nhà Trần, kinh đô vẫn là Thăng Long, tên nước vẫn là Đại Việt :

+ Đến cuối thế kỉ XII nhà Lý ngày càng suy yếu ,đầu năm 1226, Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh, nhà Trần được thành lập.

+ Nhà Trần vẫn đặt tên kinh đô là Thăng Long, tên nước vẫn là Đại Việt.

- GD HS lòng tự hào dân tộc, yêu lịch sử nước nhà.

II. Đồ dùng dạy học:

- Phiếu học tập(HĐ 2)

III. Các hoạt động dạy học:

A. Bài cũ: Cuộc kháng chiến chống quân Tống lần thứ hai (1075 – 1077)

-Nguyên nhân nào khiến quân Tống xâm lược nước ta?

-Hành động giảng hoà của Lý Thường Kiệt có ý nghĩa như thế nào?

-GV nhận xét, tuyên dương HS

B. Bài mới:

Hoạt động1: Hoàn cảnh ra đời của nhà Trần.

GV yêu cầu HS đọc SGK đoạn

“đến cuối thế kỉ XII ...được thành lập”

-Hoàn cảnh nước ta cuối thế kỉ XII như thế nào?

-Trong hoàn cảnh đó nhà Trần đã thay thế nhà Lý như thế nào?

Hoạt động 2: Nhà Trần xây dựng đất nước

GV yêu cầu HS làm phiếu học tập

-Yêu cầu HS sau khi đọc SGK, điền dấu X vào ô trống sau chính sách nào được nhà Trần thực hiện.

-GV theo dõi giúp đỡ HS

-HS trả lời câu hỏi theo yêu cầu của GV

-1HS đọc, cả lớp đọc thầm

...Nhà Lý suy yếu, nội bộ triều đình lục đục, đời sống nhân dân cực khổ. Giặc ngoại xâm lấn le ngoài bờ cõi nước ta. Vua Lý phải dựa vào thế lực của nhà Trần mới giữ được ngai vàng.

-Vua Lý Huệ Tông không có con trai nên truyền ngôi cho con gái là Lý Chiêu Hoàng. Trần Thủ Độ tìm cách cho Lý Chiêu Hoàng lấy Trần Cảnh, rồi nhường ngôi cho chồng.

-HS làm phiếu học tập

-HS hoạt động theo nhóm, sau đó cử đại diện lên báo cáo.

PHIẾU HỌC TẬP

Em hãy đánh dấu x vào ☐ sau những chính sách được nhà Trần thực hiện:

+ Đứng đầu nhà nước là vua. ☐

+ Vua đặt lệ nhường ngôi sớm cho con. ☐

+ Lập Hà đê sứ, Khuyến nông sứ, Đồn điền sứ. ☐

+ Đặt chuông trước cung điện để nhân dân đến đánh chuông khi có điều oan ức hoặc cầu. ☐

+ Cả nước chia thành các lộ, phủ, châu, huyện, xã. ☐

+ Trai tráng khoẻ mạnh được tuyển vào quân đội, thời bình thì

- GV chốt nội dung đúng.
- Những việc làm trên của các vua nhà Trần nhằm để làm gì?
- Nêu những việc làm của nhà Trần nhằm củng cố, xây dựng đất nước.

Hoạt động 3: Hoạt động cả lớp

- Những sự kiện nào trong bài chứng tỏ rằng giữa vua, quan và dân chúng dưới thời nhà Trần chưa có sự cách biệt quá xa?

- Em có nhận xét gì về quan hệ giữa vua với quan ,vua với dân dưới thời nhà Trần ?

sản xuất,khi có chiến tranh thì tham gia chiến đấu.□
-...nhằm để xây dựng đất nước.

- Chú ý xây dựng lực lượng quân đội, chăm lo bảo vệ đề điều, khuyến khích nông dân sản xuất.
- Đặt chuông ở thềm cung điện cho dân đến đánh khi có điều gì cầu xin, oan ức. Ở trong triều, sau các buổi yến tiệc, vua và các quan có lúc nắm tay nhau, ca hát vui vẻ.
- Vua Trần cho đặt chuông lớn ở thềm cung điện để nhân dân đến thỉnh khi có việc cầu xin hoặc oan ức . Trong các buổi yến tiệc ,có lúc vua và các quan nắm tay nhau ca hát vui vẻ .

4. Củng cố, dặn dò

- GV cho HS nhắc lại nội dung ghi nhớ
- GV giáo dục HS Thấy được sự ra đời của nhà Trần là phù hợp lịch sử. Các vua Trần làm rạng rỡ non sông, dân tộc.
- Chuẩn bị bài: *Nhà Trần và việc đắp đê*.

Tiết 3: Hoạt động tập thể SINH HOẠT LỚP

I. Yêu cầu cần đạt

- Kiểm điểm việc thực hiện nề nếp trong tuần.
- Phát huy những u điểm, khắc phục những mặt còn tồn tại.
- Đề ra phương hướng hoạt động tuần tới

II. Nội dung :

1. Lớp trưởng báo cáo tình hình hoạt động chung trong tuần.

2. GV nhận xét.

a. Ưu điểm

- Cô trò thực hiện tốt mọi nề nếp
- Hoàn thành thi Cờ vua: Đức giải Ba, Thảo KK
- Hoàn thành quyền góp Áo ấm đội viên 5000đ/em
- Tham gia thi Trạng nguyên Toàn tài cấp Quốc gia .

b. Tồn tại :

- Có hiện tượng tháo hơi xe
 - Một số em còn để mất đồ dùng

3. Phương hướng hoạt động tuần tới

- Tiếp tục luyện bóng đá.

Hưởng ứng Hội khỏe Phù đồng cấp trường.

Luyện kéo co.

Nhận xét đánh giá của người kiểm tra.

Bài soạn đủ, đúng kế hoạch.


Vũ Hùng Phan